

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Hà Nội, Ngày 04 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP
Năm báo cáo 2015



Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2016

MỤC LỤC

A. THÔNG TIN CHUNG	1
I. Thông tin khái quát	1
II. Quá trình hình thành và phát triển	1
III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	2
IV. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	3
V. Định hướng phát triển	9
VI. Các rủi ro:	10
B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	11
I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	11
II. Tổ chức và nhân sự	11
III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	13
IV. Tình hình tài chính	16
V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	17
C. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	20
I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	20
II. Tình hình tài chính	21
III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	21
IV. Một số giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch phát triển năm 2016	22
D. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	23
I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	23
II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	23
III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	24
E. QUẢN TRỊ CÔNG TY	25
I. Hội đồng quản trị	25
II. Ban Kiểm soát	37
II. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	46

A. THÔNG TIN CHUNG

I. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Đầu tư AMD GROUP
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102370070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 20/9/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 23/4/2014
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ) đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ) đồng
- Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại: **04.6287 1982** Số fax: **04.6287 3066**
- Website: amdgroup.vn
- Mã cổ phiếu: AMD

II. Quá trình hình thành và phát triển

1. *Quá trình hình thành và phát triển*

Tiền thân của Công ty cổ phần Đầu tư AMD GROUP là Công ty cổ phần FIKOR Việt Nam được thành lập lần đầu ngày 20/9/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019695 với vốn điều lệ ban đầu là 9,9 tỷ đồng. Ngày 23/04/2014 Công ty cổ phần FIKOR Việt Nam được đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư AMD GROUP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102370070 và có vốn điều lệ là 300 tỷ đồng và hoạt động ổn định cho đến nay.

Từ khi thành lập đến năm 2012, AMD GROUP tập trung chủ yếu vào mảng hoạt động chính là: tư vấn đầu tư và tư vấn quản lý kinh doanh. Bước sang năm 2013, nắm bắt xu thế thị trường AMD GROUP bắt đầu mở rộng sang hoạt động kinh doanh thương mại với các mặt hàng chủ yếu là hàng điện tử, điện lạnh. Từ 2014, với mục tiêu trở thành một doanh nghiệp hoạt động đa ngành, AMD GROUP đã tìm hiểu, đánh giá và quyết định đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết có thương hiệu và có tiềm năng phát triển lớn là: Viện Quản lý và phát triển Châu Á, Công ty cổ phần Vật tư và khoa học kỹ thuật Acetech, Công ty cổ phần Pink House Việt Nam, Công ty cổ phần AMD Smart, Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn.... Các doanh nghiệp này đều là những doanh nghiệp có thế mạnh riêng và đã có được vị trí nhất định trên thị trường.

Bên cạnh những lĩnh vực hoạt động đã đem lại thương hiệu cho AMD GROUP như Tư vấn - Đào tạo - Nghiên cứu; Thương mại; Thiết bị công nghệ; Giáo dục mầm non thời gian gần đây Công ty bắt đầu mở rộng thêm các hoạt động kinh doanh bất động sản và khai thác, chế biến khoáng sản.

2. Các mốc sự kiện quan trọng

- Ngày 12/01/2015, Chi nhánh tại TP.HCM của Công ty đã chính thức được thành lập theo Giấy phép hoạt động Chi nhánh số 0102370070-001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp.
- Ngày 19/01/2015, Viện Quản lý và Phát triển Châu Á, đơn vị thành viên của AMD Group, vinh dự được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen vì có nhiều thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.
- Ngày 10/02/2015, AMD Group tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 và thông qua chủ trương chuyển giao dịch cổ phiếu từ sàn UPCOM lên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
- Tháng 5 năm 2015 Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (LHH) đã ký quyết định giao Viện Quản lý và Phát triển Châu Á (AMDI), đơn vị thành viên của AMD Group, và các đơn vị liên quan thực hiện Đề án: Xây dựng Báo cáo biến đổi khí hậu thường niên tại Việt Nam.
- Ngày 16/06/2015, Công ty chính thức được Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM chấp thuận niêm yết tại Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM với mã cổ phiếu AMD.
- Ngày 22 tháng 7 năm 2015, Công ty ký kết Thỏa thuận hợp tác chiến lược với Công ty cổ phần liên doanh đầu tư quốc tế KLF Global.
- Ngày 27 tháng 8 năm 2015 Công ty ký kết Thỏa thuận hợp tác chiến lược với Viện Vi sinh vật và Công nghệ Sinh học thuộc ĐHQG Hà Nội (IMBT).
- Ngày 23/11/2015, AMD GROUP chính thức trở thành nhà phân phối độc quyền sữa Novalac của Pháp;
- Ngày 4/12/2015, AMD GROUP được UBND tỉnh Bắc Ninh chấp thuận cho phép khảo sát địa điểm lập dự án đầu tư xây dựng khu kinh doanh tổng hợp xăng dầu, vật liệu xây dựng và trạm dừng đỗ xe tại xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.
- Ngày 26 – 27/12/2015, AMD Group tổ chức thành công giải Golf quyền góp ủng hộ quỹ vì người nghèo tỉnh Thanh Hóa.
- Ngày 27/12/2015, AMD Group ký Thỏa thuận hợp tác với tập đoàn TNR Holdings Vietnam.

III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1. Ngành nghề kinh doanh

- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác mỏ.

2. Địa bàn kinh doanh

Hiện nay, các hoạt động kinh doanh của AMD GROUP tập trung tại Hà Nội và TP.HCM. Trong thời gian sắp tới, cùng với việc mở rộng quy mô, AMD GROUP sẽ mở rộng và phát triển các hoạt động kinh doanh tại các tỉnh, thành phố lớn khác như Thanh Hóa, Bắc Ninh, Bình Định.

IV. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

1. Mô hình quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo quy định Luật Doanh nghiệp và các văn bản có liên quan, cụ thể:

Hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

1.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có thẩm quyền quyết định các vấn đề:

- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- Thông qua kế hoạch SXKD hàng năm và tỷ lệ chia cổ tức;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty;
- Các thẩm quyền khác theo Điều lệ Công ty.

1.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty, theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Công Chính	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Trường	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Phạm Hải Đăng	Thành viên HĐQT
Bà Đàm Thị Ngân	Thành viên HĐQT

1.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc.

Ban kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Thành viên BKS

Bà Nguyễn Thúy Nhung	Trưởng BKS
Ông Hồ Sỹ Bắc	Thành viên BKS
Bà Lê Thị Hoàng Anh	Thành viên BKS

1.4. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

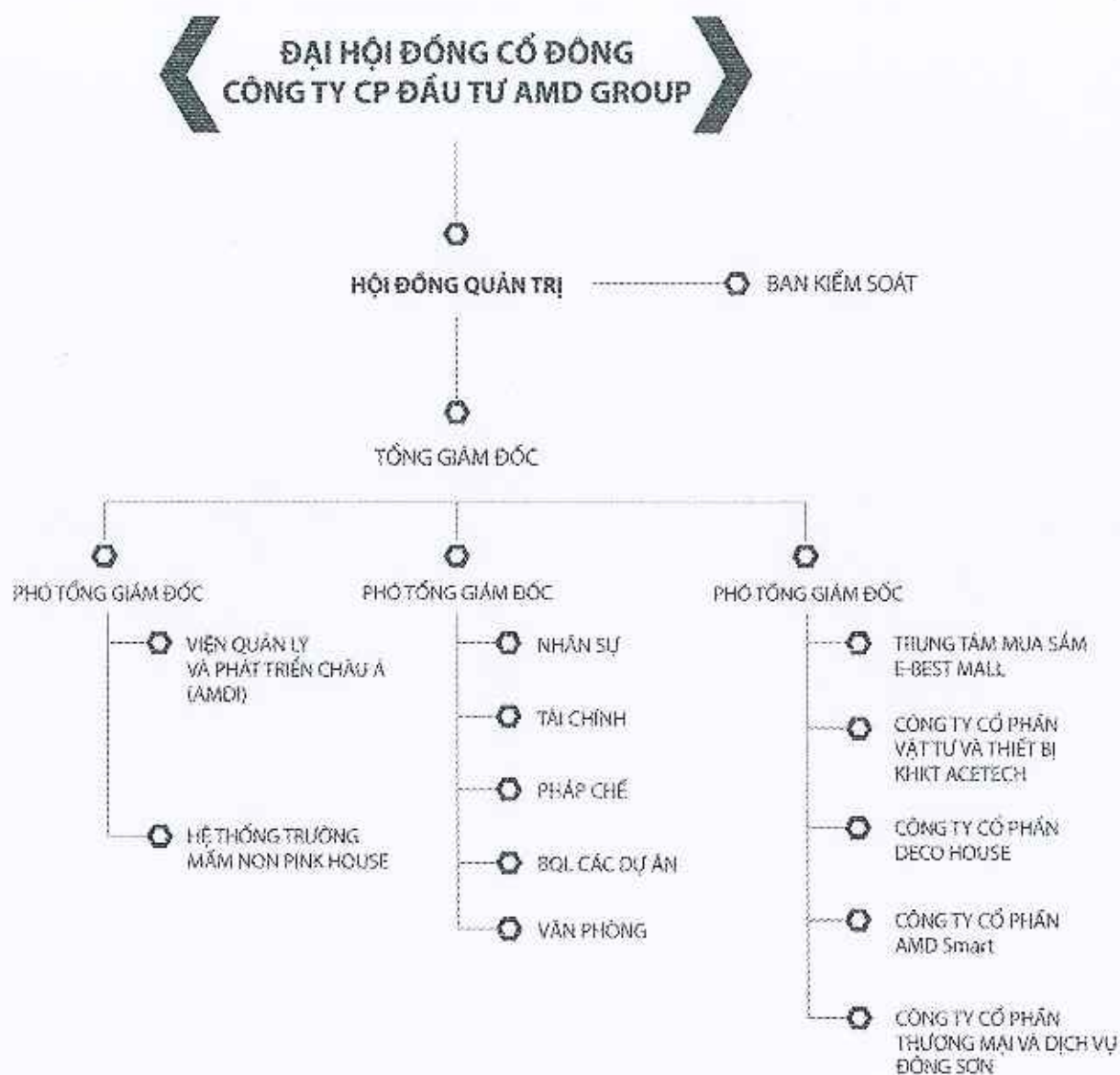
- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty;
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;
- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Thành viên Ban TGD

Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD
Ông Ngô Công Chính	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD
Ông Nguyễn Đăng Tâm	Phó TGD
Ông Đào Tiến Dương	Phó TGD

2. Cơ cấu bộ máy quản lý

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



3. Các công ty con, công ty liên kết

- Danh sách công ty con

Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Lĩnh vực hoạt động chính	Vốn điều lệ đăng ký/vốn điều lệ thực góp (đồng)	Vốn đăng ký/vốn thực góp của AMD GROUP (đồng)	Tổng tỷ lệ sở hữu của AMD GROUP (%)
Viện Quản lý và Phát triển Châu Á (AMDI)	Tầng 1, tòa nhà Việt Úc (VAS), khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Tư vấn, nghiên cứu và đào tạo về quản lý	30.000.000.000	174.837.600.000	59,48%
Công ty cổ phần Vật tư và thiết bị khoa học kỹ thuật Acectech	Số 62, ngõ 322 phố Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác....	10.000.000.000	9.500.000.000	95%
Công ty cổ phần Pink House Việt Nam	Số 89 ngõ 178 Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội	Giáo dục mầm non; dịch vụ hỗ trợ giáo dục....	15.000.000.000	14.250.000.000	95%
Công ty cổ phần Thương mại và dịch vụ Đông Sơn	Số 15, Biệt thự 1, Khu nhà ở Cầu Diễn, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	60.000.000.000	59.400.000.000	99%
Công ty cổ phần AMD Smart	Số nhà 15-BT1 Khu nhà ở Cầu Diễn, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Lập trình máy tính, Xuất bản phần mềm	10.000.000.000	9.800.000.000	98%

▪ Danh sách công ty liên kết

Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Lĩnh vực hoạt động chính	Vốn điều lệ đăng ký/vốn điều lệ thực góp (đồng)	Vốn đăng ký/vốn thực góp của AMD GROUP (đồng)	Tổng tỷ lệ sở hữu của AMD GROUP (%)
Công ty Cổ phần Decohouse	Khu phố 03 Đồi, thị trấn Yên Lạc, Huyện Yên Lạc, Vĩnh Phúc	Thương mại, Xây dựng, Nông nghiệp, Du lịch giải trí	100.000.000.000	40.000.000.000	40%
Công ty cổ phần Dịch vụ Pháp Việt	P. 206 khu nhà ĐCN Trường MN Hoa Anh Đào, KĐT Mỹ Đình 1, P. Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Kinh doanh, khai thác dịch vụ thể thao, dịch vụ giải trí và nhà hàng	100.000.000.000	44.550.000.000	44,55%

V. Định hướng phát triển

1. Các mục tiêu chủ yếu.

- Trở thành công ty tư vấn về quản lý và phát triển số 1 Đông Nam Á về thương hiệu, doanh thu và lợi nhuận;
- Hoàn thiện và đưa vào vận hành Trung tâm ươm tạo công nghệ và Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đầu tiên, quy mô lớn nhất tại Việt Nam do tư nhân vận hành;
- Phát triển thương hiệu trường mầm non PINKHOUSE trên phạm vi cả nước;
- Xây dựng ACETECH trở thành thương hiệu top 3 Việt Nam về lĩnh vực cung cấp thiết bị khoa học công nghệ;
- Đưa hoạt động khai thác mỏ trở thành một trong những hoạt động sản xuất kinh doanh chủ lực của công ty. Những sản phẩm về mỏ của Công ty sẽ được xuất khẩu đi các nước trên Thế giới.

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Đẩy mạnh phát triển về quy mô, lĩnh vực hoạt động, năng lực tài chính, năng lực quản trị và hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Phát huy tối đa các lợi thế của các hoạt động kinh doanh hiện tại, tập trung nguồn lực đẩy mạnh các dự án đang triển khai.
- Chủ động, tích cực tìm kiếm các thị trường mới, phát huy tối đa mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh doanh, mang lại lợi nhuận và xây dựng thương hiệu cho Công ty; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, tham gia thực hiện tốt các chính sách xã hội.
- Hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức, bộ máy Công ty, đặc biệt chú trọng hơn nữa việc tuyển dụng nhân sự có chất lượng cao, có trình độ chuyên môn phù hợp để triển khai các kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Tập trung công tác quản trị các nguồn lực Công ty, quản trị các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thiện các quy chế quy định phù hợp với luật pháp hiện hành.
- Tổ chức việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tăng cường tốc độ luân chuyển các dòng vốn, tăng hiệu suất sử dụng vốn.
- Kiện toàn và phát triển đội ngũ nhân sự. Tiếp tục thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Cải cách cơ bản chế độ lương, thưởng và phúc lợi trong Công ty, kết hợp với chế độ đãi ngộ thỏa đáng và tạo môi trường làm việc thuận lợi để tạo điều kiện cho người lao động phát huy hết khả năng của mình.
- Tăng cường tìm kiếm, tiếp cận thị trường, nhất là những thị trường mới. Lựa chọn các đối tác nước ngoài có tiềm lực mạnh để hợp tác chiến lược nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh trong nước, đồng thời từng bước chinh phục thị trường khu vực và thế giới.

- Phát triển công tác đoàn thể và công tác xã hội, tiếp tục duy trì và phát huy công tác tuyên truyền vận động nhân viên tích cực hưởng ứng các hoạt động xã hội từ thiện nhân đạo, đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần cho nhân viên.

VI. Các rủi ro:

1. Rủi ro kinh tế

Những nhân tố có thể ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của Công ty bao gồm: tốc độ tăng trưởng kinh tế xã hội của xã hội, thị trường, lãi suất, lạm phát....

2. Rủi ro hoạt động sản xuất, kinh doanh

Hiện nay, hoạt động của AMD GROUP chịu một số ảnh hưởng nhất định trong môi trường sản xuất kinh doanh đặc thù, cụ thể: Đối với lĩnh vực tư vấn, đào tạo, nghiên cứu: rủi ro về nguồn nhân lực và chảy máu chất xám là một trong những rủi ro rất lớn khi nền kinh tế đang trên đà phát triển: lĩnh vực tư vấn, giáo dục được mở cửa khi Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại WTO dẫn đến việc một bộ phận cán bộ có kinh nghiệm và trình độ cao có thể sẽ bị thu hút bởi các công ty nước ngoài... Đồng thời, Công ty có thể gặp rủi ro trong vấn đề cạnh tranh nguồn khách hàng đối với các trung tâm nghiên cứu, đào tạo của các trường đại học lớn hoặc của các Bộ, ngành chuyên môn.

Trọng màng giáo dục mầm non: Hệ thống trường mầm non Pinkhouse được Công ty triển khai theo mô hình của hệ thống giáo dục mầm non chuyên nghiệp với trang bị hệ thống cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại, quy trình đào tạo chuẩn mực, chuyên nghiệp. Hoạt động kinh doanh này vẫn có thể gặp rủi ro liên quan đến các yếu tố tâm lý xã hội của các phụ huynh; về chính sách pháp luật của nhà nước điều chỉnh các hoạt động dạy và học trong thời kỳ mầm non...

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh trung tâm thương mại mà của Công ty là lĩnh vực nhanh tạo ra nguồn doanh thu nhưng cũng có thể gặp rủi ro khi phải cạnh tranh với hệ thống các siêu thị của nhà đầu tư nước ngoài lớn cũng như của Việt Nam như: Big C, Metro, Fivi Mart, Co-op Mart, Vin mart...

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Về thực hiện chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận (Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán)

Kết quả hoạt động kinh doanh của AMD GROUP năm 2015 đã đạt được kết quả rất đáng khích lệ. Cụ thể là:

Chỉ tiêu (1)	Thực hiện (2)	Kế hoạch (3)	Tỷ lệ hoàn thành (4) = (2)/(3)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.030.151.235.591	1.000.000.000.000	103,15%
Lợi nhuận sau thuế	25.020.720.996	34.000.000.000	73,59%

Năm 2015, AMD GROUP đã chính thức đạt mức doanh thu là 1.030.151.235.591 đồng, tăng 215,6% so với năm 2014 và đạt 103,15% so với kế hoạch năm 2015 đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 25.020.720.996 đồng, tăng 140,16% so với năm 2014 và đạt 73,59% so với kế hoạch.

II. Tổ chức và nhân sự

1. Danh sách Ban điều hành:

STT	Thành viên Ban Điều hành	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	2.000.000	6,667%
2	Ông Ngô Công Chính	Phó Tổng giám đốc	350.000	1,167%
3	Ông Nguyễn Đăng Tâm	Phó Tổng giám đốc	20.000	0,067%
4	Ông Đào Tiến Dương	Phó Tổng giám đốc	0	0%
5	Bà Đinh Đặng Thủy Anh	Kế toán trưởng	0	0%

2. Những thay đổi trong ban điều hành:

STT	Thành viên Ban Điều hành	Chức vụ	Lý do thay đổi	Thời điểm có hiệu lực
1	Ông Đào Tiến Dương	Phó Tổng giám đốc	Bỏ nhiệm	20/10/2015
2	Bà Đinh Đặng Thủy Anh	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm	22/12/2015
3	Bà Nguyễn Thị Chi	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm	23/7/2015
4	Ông Hà Thanh Hưng	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm	21/9/2015

3. Số lượng cán bộ, nhân viên và đối với người lao động.

Năm 2015, số lượng cán bộ nhân viên của AMD GROUP là 98 người. Cơ cấu lao động được thể hiện trong bảng dưới đây:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ
Trình độ trên Đại học	10	10,2%
Trình độ Đại học	55	56,12%
Trình độ Cao đẳng, Trung cấp	18	18,37%
Trình độ sơ cấp	15	15,31%
Tổng số	84	100%

Chính sách đào tạo

AMD GROUP đặc biệt chú trọng đến công tác phát triển nguồn nhân lực. Tất cả CBNV mới gia nhập Công ty đều được đào tạo định hướng để có những hiểu biết cần thiết về lịch sử hình thành và phát triển của Công ty, giá trị cốt lõi, sứ mệnh, tầm nhìn, văn hóa làm việc trong tổ chức và các lĩnh vực hoạt động của Công ty. Bên cạnh việc tự tổ chức các chương trình đào tạo, huấn luyện bổ sung các kỹ năng cần thiết cho nhân viên, AMD GROUP đã cử cán bộ tham gia các khóa học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn tại các cơ sở đào tạo có uy tín.

Chính sách phúc lợi

Công ty đã xây dựng chính sách lương bổ sung, thưởng theo kết quả hoàn thành công việc, chỉ tiêu được giao nhằm động viên, khuyến khích CBNV phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho các hoạt động của Công ty.

Công ty thường xuyên thực hiện đánh giá năng lực, ý thức, kết quả thực hiện công việc và mức độ đóng góp của CBNV cho sự phát triển của Công ty để áp dụng chính sách khen thưởng phù hợp.

III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

1. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư

Trong năm 2015, Công ty đã tiến hành việc chuẩn bị, hợp tác và đưa một số dự án lớn vào hoạt động:

Dự án Tổ hợp Uơm tạo Công nghệ và Đào tạo Nguồn nhân lực chất lượng cao

Dự án Tổ hợp Uơm tạo Công nghệ và Đào tạo Nguồn nhân lực chất lượng cao tại Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm có diện tích 2,2 ha nằm trên ba mặt đường trong đó đường Trần Hữu Dực là trục đường chính của quận Nam Từ Liêm, kết nối các khu đô thị, trung tâm thương mại và hành chính của quận sẽ được sử dụng để xây dựng một Trung tâm uơm tạo công nghệ đẳng cấp khu vực. Hiện tại, dự án đã làm xong toàn bộ phần hạ tầng và các thủ tục pháp lý để đón đầu cho tuyến đường Trần Hữu Dực mở ra và triển khai việc xây dựng các hạng mục công trình tiếp theo. Đây là dự án trọng điểm của AMD trong những năm tiếp theo, với tổng mức đầu tư khoảng hơn 500 tỉ đồng, đòi hỏi phải tập trung và ưu tiên nguồn lực để thực hiện thành công dự án này.

Dự án Khu nhà nghỉ, nhà hàng sinh thái và kinh doanh thương mại

Dự án do Công ty Cổ phần DECO HOUSE là một đơn vị thành viên của AMD GROUP triển khai để xây dựng Khu nhà nghỉ sinh thái, nhà hàng sinh thái và kinh doanh thương mại tại trung tâm của huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Dự án là sự kết hợp giữa các hoạt động thương mại, kết hợp với các hoạt động nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, là một bước chuyển đổi trong việc phát triển, hình thành một tổ hợp thương mại dịch vụ quảng bá các sản phẩm nông sản đến người tiêu dùng. Với quy mô 7.200 m², tổng mức đầu tư 25 tỷ đồng, dự án sẽ là một không gian giao lưu văn hóa, một điểm vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng tiện lợi, hiện đại nhất tại huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Dự án Trạm kinh doanh xăng dầu, cửa hàng VLXD và trạm dừng nghỉ

Dự án nằm trên tuyến đường tỉnh lộ 287 tại xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh do Công ty cổ phần Thương mại và dịch vụ Đông Sơn – công ty con của AMD GROUP làm chủ đầu tư. Tuyến đường tỉnh lộ 287 là tuyến giao thông huyết mạch của tỉnh Bắc Ninh với lưu lượng các phương tiện qua lại rất lớn, dự án Bãi đỗ xe, dịch vụ VLXD, kết hợp du lịch sinh thái với quy mô 20.000 m², tổng mức đầu tư 20 tỷ đồng sẽ đáp ứng tối đa nhu cầu thiết yếu về nhiên vật liệu cho người dân tại địa phương và Hà Nội. Hiện nay, dự án đã được UBND tỉnh Bắc Ninh đồng ý chủ trương triển khai dự án đầu tư, kinh doanh trạm xăng dầu, cửa hàng bán VLXD và trạm dừng nghỉ tại xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du và đang thực hiện các bước tiếp theo để kịp đưa dự án vào hoạt động năm 2017.

Dự án Trung tâm thể thao Pháp Việt

Với việc định hướng cho Công ty cổ phần Thương mại và dịch vụ Đồng Sơn đầu tư vào Công ty cổ phần Dịch vụ Pháp Việt - đơn vị đang sở hữu dự án Khu trung tâm thể thao Pháp Việt có diện tích 2,2ha tại Phường Phương Canh quận Nam Từ Liêm, Hà Nội nên hiện nay AMD GROUP đang gián tiếp điều phối triển khai dự án này. Dự án đã được UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đầu tư và đang trong giai đoạn đền bù giải phóng mặt bằng. Dự kiến dự án sẽ đi vào hoạt động năm 2018.

Dự án Mỏ đá xây dựng tại Thanh Hóa

Qua nghiên cứu tìm hiểu về thị trường đá ốp lát xây dựng xuất khẩu và trong nước nhiều tiềm năng, trong khi chưa có đơn vị nào triển khai đầu tư xây dựng nhà máy quy mô lớn. Nên Công ty đã có chủ trương đầu tư nhà máy khai thác, chế biến đá với quy mô hiện đại, đồng bộ. Cuối quý 4/2015, Công ty đã tiến hành làm việc với tỉnh Thanh Hóa để xin đầu tư khai thác mỏ đá xây dựng tại địa bàn xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Đến nay đã được UBND tỉnh Thanh Hóa chấp thuận chủ trương cho thăm dò, khai thác vị trí mỏ tại địa điểm Núi Loáng thuộc địa bàn xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa với diện tích mỏ khoảng 6ha. Dự kiến trong quý I năm 2016 sẽ hoàn thành xong việc cấp phép chủ sở hữu và bắt đầu xây dựng nhà máy với công suất và quy mô khai thác lớn vào đầu quý II năm 2016, tổng mức đầu tư khoảng 100 tỷ đồng.

Dự án Đại học Tổng hợp Bắc Ninh

Dự án Trường Đại học tổng hợp Bắc Ninh (BNU) do Viện Quản lý và Phát triển Châu Á làm chủ đầu tư đã được UBND tỉnh Bắc Ninh đồng ý chủ trương dành 40 hecta đất thuộc các xã Tân Chí - Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh để đầu tư xây dựng. Dự án có tổng mức đầu tư là 274 tỷ đồng với mục tiêu trở thành một trường đại học đa ngành có tầm khu vực và quốc tế trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho Việt Nam và các khu vực lân cận. Hiện tại, dự án đã hoàn thành việc khảo sát do vẽ bản đồ và lập quy hoạch của dự án. Dự án sẽ tiến hành các bước tiếp theo khi các điều kiện kinh tế, xã hội cho phép.

2. Tóm tắt về hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

2.1. Công ty cổ phần Vật tư và thiết bị KHKT Acetech

Năm 2015, Công ty Acetech đạt mức doanh thu trên 27 tỷ đồng và mức lợi nhuận trước thuế đạt 3,7 tỷ đồng, tăng hơn 200% so với năm 2014. Có được những kết quả đáng kể trên là do Công ty có những bước tiến quan trọng trong việc đạt được thỏa thuận trở thành đại lý phân phối (Distributor) khu vực phía Bắc của hãng Oerlikon Leybold Vacuum - Đức. Một nhà sản xuất hàng đầu thế giới về bơm chân không và các hệ thống chân không. Bên cạnh các khách hàng truyền thống như Viện Khoa học Vật Liệu – Viện hàn lâm KHCN Việt Nam, các nhà máy Z23, Z181... thuộc Tổng cục CN Quốc phòng, Công ty cũng đã triển khai được các hợp đồng với những đối tác mới tiềm năng như: Viện ứng dụng công nghệ - Bộ khoa học và công nghệ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 - Bộ GD&ĐT. Ngoài ra, việc triển khai thành công đề án hợp tác xây dựng phòng thí nghiệm về năng lượng tái tạo Việt - Lào của Viện khoa học

Vật liệu cũng bước đầu tạo dựng thương hiệu của công ty trong lĩnh vực khoa học công nghệ tại nước bạn.

2.2. Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Đông Sơn

Công ty Đông Sơn được thành lập với mục tiêu triển khai dự án đầu tư, kinh doanh trạm xăng dầu, cửa hàng bán VLXD và trạm dừng nghỉ tại xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Tuy nhiên để có kinh nghiệm trong kinh doanh, đồng thời có thêm nguồn lực để triển khai dự án, Công ty đã chủ động mở ra hướng kinh doanh thương mại liên quan đến vật liệu xây dựng, bất động sản... Kết thúc năm 2015, Công ty đã đạt doanh thu là 207,5 tỷ đồng và LNTT đạt 4,38 tỷ đồng. Đây là con số hết sức ấn tượng của đơn vị mới triển khai kinh doanh năm 2015.

2.3. Viện Quản lý và Phát triển Châu Á

Năm 2015, Viện AMDI đạt doanh thu 39,96 tỷ đồng tăng 121% so với năm 2014, đạt 99,9% kế hoạch năm và lợi nhuận đạt 1,51 tỷ đồng tăng 140% so với năm 2014, đạt 101% kế hoạch năm.

Có được những kết quả trên trên là sự nỗ lực của toàn bộ CBCNV của Viện AMDI qua việc triển khai thành công các dự án đã trúng thầu các dự án lớn như: Dự án EU-Mutrap, Dự án ESRT (EU-du lịch), Dự án SPS Lào và SPS Việt Nam, Dự án EU-Health, Dự án thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu vùng sông Mê Kông (MeKong ARCC), Dự án VN-Haz/WB5, Dự án GIZ về thích ứng với lũ lụt tại Đồng Tháp.

2.4. Công ty cổ phần AMD Smart

Việc mua và chiếm tỷ lệ chi phối Công ty AMDS nằm trong kế hoạch phát triển chiến lược lâu dài của AMD Group về lĩnh vực công nghệ, phần mềm. Trước mắt, AMDS tập trung nghiên cứu những sản phẩm đón đầu các dự án tương lai.

Trong năm 2015, AMDS cũng đã triển khai thành công một số sản phẩm kết hợp cùng với các đối tác mang lại nguồn doanh thu hơn 5,1 tỷ đồng. Các khách hàng tiềm năng đang là đối tác của AMDS như: Toyota, Mercedes, Madaz, Audi, Nissan... các sân Golf, các dự án bãi đỗ xe thông minh...

2.5. Công ty cổ phần Pink House Việt Nam

Có thể nói năm 2015 là năm phát triển mạnh mẽ của hệ thống Trường mầm non Pink house, từ chỗ có 2 cơ sở với 182 học sinh năm 2014, đến nay đã tăng số cơ sở lên 3 địa điểm và số lượng học sinh tăng hơn gấp đôi (376 học sinh). Trường đã áp dụng phương pháp và chương trình giáo dục mới theo hướng tích hợp các phương pháp tiên tiến trên thế giới. Đã mời chuyên gia xây dựng Chương trình đào tạo riêng cho Nhà trường và sẽ tiến hành đăng ký bản quyền chương trình học. Giáo viên được hướng dẫn, đào tạo các kỹ năng tổ chức các hoạt động, kỹ năng hướng dẫn và các kỹ năng giảng dạy khác. Nội dung học được thảo luận hàng tuần giữa chuyên gia và các giáo viên. Cơ sở vật chất ngày càng được nâng cao, không gian thoáng

dăng, trang thiết bị đồ dùng học tập hiện đại. Giáo viên được tuyển chọn và đánh giá kết quả thực hiện công việc kỹ càng, đảm bảo tiêu chí về đạo đức, tâm huyết và kỹ năng giảng dạy tốt.

IV. Tình hình tài chính

1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	460.869.022.832	505.424.241.238	9,67%
Doanh thu thuần	478.618.451.700	1.030.151.235.591	115,23%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	25.935.495.328	34.818.063.404	34,25%
Lợi nhuận khác	768.963.704	301.140.611	-60,84%
Lợi nhuận trước thuế	26.704.459.032	35.119.204.015	31,51%
Lợi nhuận sau thuế	17.851.991.937	25.020.720.996	40,16%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

Lợi nhuận sau thuế đạt **25.020.720.996 đồng**, tăng trưởng 40% so với năm 2014. Kết quả kinh doanh năm 2015 đã phản ánh nỗ lực của toàn Công ty trong bối cảnh nền kinh tế và các doanh nghiệp đang trải qua thời kỳ khó khăn hiện nay.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	
		BCTC riêng	BCTC hợp nhất
<i>I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,82	1,32	1,63
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho	1,69	0,79	1,12

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	
		BCTC riêng	BCTC hợp nhất
Nợ ngắn hạn			
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,27	0,20	0,29
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,37	0,24	0,41
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,04	1,75	2,04
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,04%	0,04%	0,02%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,05%	0,10%	0,07%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,04%	0,06%	0,05%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,05%	0,05%	0,03%

V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 30.000.000 cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 28.058.325 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo cam kết của người sở hữu: 1.941.675 cổ phần

2. Cơ cấu Cổ đông Công ty tính đến thời điểm 21/01/2016

Cơ cấu cổ đông đến ngày 21/01/2016

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ sở hữu %
1	Cổ đông trong nước	697	29.974.950	299.749.500.000	99,92%

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu %
1	Cổ đông tổ chức	2	190.010	1.900.100.000	0,63%
2	Cổ đông cá nhân	695	29.784.940	297.849.400.000	99,28%
II	Cổ đông nước ngoài	4	25.050	250.500.000	0,08%
1	Cổ đông tổ chức	1	7.600	76.000.000	0,02
2	Cổ đông cá nhân	3	17.450	174.500.000	0,06
III	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-
	Cổ đông nhỏ	701	30.000.000	300.000.000.000	100%

(Nguồn: Theo danh sách chốt cổ đông ngày 21/01/2016 của TTLKCK VN)

Danh sách cổ đông lớn đến ngày 21/01/2016

STT	Cổ đông	Số CMND	Số cổ phần	Giá trị(VNĐ)	Tỷ lệ
1	Nguyễn Tiên Đức	012988821	2.000.000	20.000.000.000	6,67%
2	Nguyễn Quốc Trường	011787200	1.500.000	15.000.000.000	5,00%
	Cộng		3.500.000	35.000.000.000	11,67%

(Nguồn: Theo danh sách chốt cổ đông ngày 21/01/2016 của TTLKCK VN)

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng: Không có

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm) không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Số lượng lao động năm 2015: 98 người.

Mức lương trung bình của người lao động: 10.000.000 đồng/ tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ nghỉ phép năm, nghỉ ốm đau, thai sản cho người lao động theo quy định của Luật Lao động. Ngoài ra, Công ty còn có chính sách khám sức khỏe định kỳ 1 lần/ năm và du lịch nghỉ dưỡng 1 lần/ năm cho cán bộ nhân viên.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Hiện nay, hoạt động đào tạo cán bộ nhân viên của công ty được thực hiện dưới 2 hình thức: đào tạo nội bộ và gửi cán bộ nhân viên tham dự các khóa đào tạo, tập huấn bên ngoài. Số giờ đào tạo trung bình 2015 là 24 giờ/ người/ năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Công ty thường xuyên có các chương trình đào tạo, tập huấn giúp cán bộ nhân viên nâng cao kỹ năng chuyên môn, kỹ năng quản lý và các kỹ năng mềm khác.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Trong năm 2015, AMD Group thực hiện nhiều hoạt động xã hội và từ thiện:

- Tổ chức vận động ủng hộ quỹ vì người nghèo huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa: 100.000.000 đồng.
- Ủng hộ 266 hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn xã Yên Lâm, huyện Yên Định với tổng số tiền là 53.200.000 đồng.
- Trao tặng cho 200 hộ nông dân chưa có nước sạch tại xã Phú Thành A, huyện Tam Nông tỉnh Đồng Tháp mỗi hộ 1 bình chứa nước 1.000 lít và một máy lọc nước.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN. Không có

C. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2015, Thế giới chứng kiến nhiều biến động bất ổn về kinh tế, chính trị ở Trung Đông, Châu Âu, Châu Phi... cuộc chiến về chính trị đã đẩy giá dầu xuống mức thấp nhất trong vòng 12 năm qua. Bên cạnh đó, sự khủng hoảng về TTCK tại Trung Quốc ảnh hưởng rất lớn đến tình hình kinh tế thế giới.

Kinh tế Việt Nam năm 2015 được ghi nhận như một năm bán lẻ chuyển sáng rõ rệt và tích cực hơn trong suốt năm năm qua. Kết thúc một năm nhiều màu sắc của nền kinh tế - xã hội, được thể hiện qua một số dấu ấn về những thành tựu kinh tế - xã hội Việt Nam trong năm 2015.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi do sự cải thiện về đầu tư, tình hình kinh tế Việt Nam trong năm 2015 vẫn còn những khó khăn như mức cầu nội địa tương đối thấp, khối doanh nghiệp trong nước kém hiệu quả và khu vực tài chính cũng trong tình trạng tương tự. Đặc biệt, điểm đáng lo ngại hiện nay là có sự tương phản giữa khối doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Trong khi khu vực đầu tư nước ngoài tiếp tục là nguồn tăng trưởng quan trọng, thì khu vực doanh nghiệp trong nước vẫn đang phải đương đầu với nhiều khó khăn; nguồn lực của các doanh nghiệp cạn kiệt; chính sách của Nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp trong nước nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ còn nhiều bất cập. Các luật thuế phức tạp, khó lường, gây khó khăn cho doanh nghiệp

Các yếu tố kể trên đã tạo áp lực rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận.

Tích lũy những kinh nghiệm vượt qua khó khăn của những năm trước đó và dự báo trước được những cơ hội để phát triển của năm 2015, đồng thời được ủng hộ của Quý cổ đông, sự nỗ lực cố gắng của người lao động, của Ban Điều hành và sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Công ty đã đạt được những thành quả nhất định.

Ngày 16 tháng 6 năm 2015, 30 triệu cổ phiếu của AMD Group chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), đây là cột mốc sự kiện quan trọng trong năm 2015 của AMD Group. Việc cổ phiếu Công ty chính thức giao dịch tại HOSE sẽ tạo điều kiện để công ty nâng cao tính chuyên nghiệp trong quản lý điều hành, tính công khai minh bạch trong hoạt động đầu tư kinh doanh, cũng như củng cố uy tín và phát triển thương hiệu trên thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho mở rộng hoạt động phát triển kinh doanh, huy động vốn.

Năm 2015, AMD Group đã chính thức đạt mức doanh thu là 1.030.151.235.591 đồng, tăng 215,6% so với năm 2014 và đạt 103,15% so với kế hoạch năm 2015 đề ra. Lợi nhuận sau

thuế hợp nhất đạt 25.020.720.996 đồng, tăng 140,16% so với năm 2014 và đạt 73,59% so với kế hoạch.

Xét về mặt tăng trưởng, so với năm 2014, AMD Group đã có những bước tăng trưởng vượt bậc về doanh thu và lợi nhuận. Tuy nhiên so với kế hoạch đã trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, chỉ tiêu doanh thu hoàn thành vượt mức kế hoạch là 103,15%, nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 73,59%.

II. Tình hình tài chính

1. Tình hình tài sản

Tiếp theo phát triển bứt phá trong năm 2014, năm 2015, Công ty cổ phần Đầu tư AMD GROUP tiếp tục duy trì sự ổn định lớn mạnh về tiềm lực kinh tế với tổng tài sản của Công ty đạt 505,424 tỷ đồng trong đó: tài sản ngắn hạn là 226,624 tỷ đồng, các khoản phải thu ngắn hạn là 127,492 tỷ đồng trong đó không có nợ phải thu khó đòi.

2. Tình hình nợ phải trả

Trong năm 2015 tổng nợ phải trả của Công ty cổ phần Đầu tư AMD GROUP là 146,386 tỷ đồng do Công ty đã đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại nên dư nợ thanh toán cho các nhà cung cấp tăng. Tuy nhiên, việc Công ty tăng các nợ phải trả là hoàn toàn bình thường trong bối cảnh hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty đang tiến triển thuận lợi, các hợp đồng mua bán được ký kết ổn định. Đến thời điểm hiện tại thì các khoản nợ của Công ty luôn được thanh toán đầy đủ, đúng hạn bằng nguồn thu tiền hàng liên tục và ổn định từ các hợp đồng.

III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2015, Công ty cổ phần Đầu tư AMD GROUP đã điều chỉnh cơ cấu nhân sự cũng như tổ chức bộ máy, bổ nhiệm mới một Phó tổng giám đốc, bổ nhiệm Kế toán trưởng, phân công lại trách nhiệm cho các Phó Tổng Giám đốc trên cơ sở phát huy cao nhất năng lực, trí tuệ và trách nhiệm của các cá nhân lãnh đạo trong việc thực hiện nhiệm vụ, tăng cường sự phối hợp nhịp nhàng và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ của mình.

Năm 2015, AMD đã hoàn thành việc tái cấu trúc, tăng tỷ lệ sở hữu trong các đơn vị có tiềm năng phát triển.

Tăng cường công tác quản lý bằng việc hoàn thiện hệ thống quy chế của Công ty, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng phù hợp để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty.

IV. Một số giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch phát triển năm 2016

- Tập trung cao độ các nguồn lực, tập trung nguồn tài chính để đẩy nhanh tiến độ các dự án: Dự án Tổ hợp Ươm tạo Công nghệ và Đào tạo Nguồn nhân lực chất lượng cao tại Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm; Dự án Khu thể thao Pháp Việt tại phường Phương Canh, Nam Từ Liêm; Dự án Trạm xăng dầu và cửa hàng VLXD tại huyện Tiên Du, Bắc Ninh; Dự đầu tư xây dựng mỏ đá xây dựng tại huyện Yên Định tỉnh Thanh Hóa.

- Quy mô, lĩnh vực hoạt động, các nguồn lực tài chính và thương hiệu của Công ty và các đơn vị thành viên đã được khẳng định và không ngừng được mở rộng, tăng cường.

- Phát huy tối đa các lợi thế của các hoạt động kinh doanh hiện tại, tập trung nguồn lực đẩy mạnh các dự án đang triển khai, tăng tiến độ giải ngân của các dự án đã ký kết nhằm mang lại dòng tiền và doanh thu ổn định.

- Chủ động, tích cực tìm kiếm các thị trường mới, phát huy tối đa mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh doanh, mang lại lợi nhuận và xây dựng thương hiệu cho Công ty; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, tham gia thực hiện tốt các chính sách xã hội.

- Hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức, bộ máy Công ty, đặc biệt chú trọng hơn nữa việc tuyển dụng nhân sự có chất lượng cao, có trình độ chuyên môn phù hợp để triển khai các dự án mới.

- Tập trung công tác quản trị các nguồn lực Công ty, quản trị các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thiện các quy chế quy định phù hợp với luật pháp hiện hành.

- Tiếp tục nhận chuyển nhượng thêm một số dự án đầu tư từ các chủ đầu tư khác khi điều kiện hợp lý để triển khai đầu tư khai thác.

- Xây dựng nhà máy sản xuất đá xây dựng đồng bộ, hiện đại mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

- Mở rộng quy mô mạng lưới phân phối sữa, điều hòa, thiết bị...

- Để phục vụ cho kế hoạch trên, năm 2016 sẽ phải tổ chức việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tăng cường tốc độ luân chuyển các dòng vốn, tăng hiệu suất sử dụng vốn. Nâng cao hiệu quả tiếp cận thị trường vốn trong nước, đặc biệt là thông qua thị trường chứng khoán phục vụ nhu cầu đầu tư kinh doanh.

- Xây dựng hệ thống thông tin giữa Công ty và các cổ đông, các nhà đầu tư, các Công ty Chứng khoán nhằm tạo mối liên hệ gắn bó, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư hiểu rõ hơn nữa về thực lực và tiềm năng của Công ty.

- Phát động phong trào thi đua toàn Công ty về việc phấn đấu hoàn thành xuất sắc kế hoạch SXKD năm 2016 và đồng thời tổ chức đánh giá khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể dự án có thành tích cao trong thực hành tiết kiệm, có sáng tạo trong công việc góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục chú trọng hơn nữa phát triển công tác đoàn thể và công tác xã hội, tiếp tục duy trì và phát huy công tác tuyên truyền vận động nhân viên tích cực hưởng ứng các hoạt động xã hội từ thiện nhân đạo, đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần cho nhân viên.

D. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2015, Hội đồng quản trị có những ý kiến đánh giá như sau:

- Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm được ĐIIDCD thông qua phù hợp với tình hình thực tế, định hướng tốt cho Ban Giám đốc trong triển khai thực hiện. Kết quả kinh doanh năm 2015 đã phản ánh sự cố gắng, nỗ lực hết mình của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty trong tình hình kinh tế hiện nay.

Các mảng kinh doanh của công ty đều đạt được những kết quả hết sức ấn tượng trong năm 2015. Về lĩnh vực thương mại: đã ký các hợp đồng lớn như: chuyển nhượng bất động sản, thép xây dựng, phân phối độc quyền sữa Novalac, Điều hòa Saijo Denki, các máy móc thiết bị công nghệ cao... Về lĩnh vực tư vấn: đã chính thức ký hợp đồng với nhiều tổ chức quốc tế các dự án như: Dự án EU-Mutrap, Dự án ESRT (EU-du lịch), Dự án SPS Lào và SPS Việt Nam, Dự án EU-Health, Dự án thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu vùng sông Mê Kông (MeKong ARCC), Dự án VN-Haz/WB5, Dự án GIZ về thích ứng với lũ lụt tại Đồng Tháp.

- Công ty tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và nâng cao chất lượng nhân sự, tăng năng suất lao động, đảm bảo thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt các chính sách lao động theo quy định của pháp luật.

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban Tổng giám đốc Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của Nghị quyết, quyết định của IIDQT Công ty đến các phòng ban và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định để mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty trong năm 2015.

- Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, tuân thủ các quy chế nội bộ mà HDQT đã ban hành trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện rất quyết liệt các hoạt động SXKD và các biện pháp đối phó với tình hình khó khăn được áp dụng kịp thời. Các chỉ tiêu SXKD cơ bản cũng đạt được theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 10/02/2015.

- Ban Tổng giám đốc chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác thị trường một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh công ty với khách hàng...

III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Phát huy tối đa lợi thế của các hoạt động kinh doanh hiện tại, tập trung nguồn lực đẩy mạnh các dự án đang triển khai, tăng tiến độ giải ngân của các dự án đã ký kết nhằm mang lại dòng tiền và doanh thu ổn định.

- Chủ động, tích cực tìm kiếm các thị trường mới, phát huy tối đa mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kinh doanh, mang lại lợi nhuận và xây dựng thương hiệu cho Công ty; tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, tham gia thực hiện tốt các chính sách xã hội.

- Hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức, bộ máy Công ty, đặc biệt chú trọng hơn nữa việc tuyển dụng nhân sự có chất lượng cao, có trình độ chuyên môn phù hợp để triển khai các kế hoạch kinh doanh của Công ty.

- Tập trung công tác quản trị các nguồn lực Công ty, quản trị các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thiện các quy chế quy định phù hợp với luật pháp hiện hành.

- Giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty đạt được mục tiêu, hoàn thành nhiệm vụ và phát triển bền vững.

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng quản trị

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

HĐQT hiện nay của công ty có 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ của từng thành viên là 05 năm. Số thành viên độc lập không điều hành là 02 người. Hội đồng quản trị gồm có:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Tỷ lệ sở hữu ngày 21/01/2016	Chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại Công ty khác
1	Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT	10/10/1977	6,667%	Chủ tịch Hội đồng quản lý Viện Quản lý và Phát triển Châu Á
2	Ngô Công Chính	Thành viên HĐQT	19/9/1967	1,167%	Phó Viện trưởng - Viện Quản lý và Phát triển Châu Á
3	Nguyễn Quốc Trường	Thành viên HĐQT	13/07/1960	5%	Giám đốc Công ty CP XNK Hàng không
4	Vũ Phạm Hải Đăng	Thành viên HĐQT độc lập	09/05/1975	0,005%	
5	Đàm Thị Ngân	Thành viên HĐQT độc lập	12/12/1979	0,010%	Phó Viện trưởng - Viện Quản lý và Phát triển Châu Á

SƠ YẾU LÍ LỊCH

a. Ông Nguyễn Tiên Đức – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: **NGUYỄN TIÊN ĐỨC**
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 10/10/1977
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Số CM/ND: 012988821 cấp ngày 11/10/2007 nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Việt Đoàn – Tiên Du – Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: Số 01, ngách 54/39 đường Phạm Hùng, Đình Thôn, Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 04 6287 1982
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Hành chính Công
- Quá trình công tác:

Năm	Nơi công tác	Chức vụ
▪ Từ 2001 – 2004	Học viện Ngân hàng	Giảng viên
▪ Từ 2004 – 2006	Công ty Remedy Intelligent Staffing	Trợ lý Giám đốc
▪ Từ 2006 – đến nay	Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	Chủ tịch Hội đồng Quản lý
▪ Từ 4/2013 -2/2014	Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	Ủy viên HĐQT
▪ Từ 2010 – 01/2014	Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group	Ủy Viên Hội đồng Quản trị
- Chức vụ hiện nay ở công ty: Chủ tịch Hội đồng Quản trị (ngày bổ nhiệm 08/01/2014)
kiêm Tổng giám đốc (ngày bổ nhiệm 02/01/2014)
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản lý Viện Quản lý và Phát triển Châu Á
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty
 - Sở hữu cá nhân: 2.000.000 cổ phiếu, chiếm 6,667%
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Thị Hòa	Mẹ	100.000	0,33%
Nguyễn Ngọc Diệp	Em	107.800	0,36%
Nguyễn Thị Mai	Em	100.000	0,33%
Dương Thị Bích Hạnh	Vợ	100.000	0,33%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: Không

b. Ông Ngô Công Chính – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **NGÔ CÔNG CHÍNH**
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 19/09/1967
- Nơi sinh: Nam Định
- Số CMTND: 036067000022 cấp ngày 20/02/2014 nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQI. Cư trú và DLQG về dân cư
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Trực Đạo, Trực Ninh, Nam định
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 78, ngách 241/61 Phố chợ Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 04 6287 1982
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý hành chính công
- Quá trình công tác:

Năm	Nơi công tác	Chức vụ
▪ Từ 1989 – 1992	Quân đội	Cán bộ kỹ thuật
▪ Từ 1992 – 1993	Công ty Petroleum Technical Services	Kỹ thuật viên thông tin
▪ Từ 1993 – 2000	Tổ chức Holt International Children’s Services tại Việt Nam	Chánh văn phòng (1993-1995); Trợ lý trưởng đại diện (1995-2000)
▪ Từ 2000 – 2006	Tổ chức Cứu trợ trẻ em Mỹ tại Việt Nam	Quyền PGĐ Hành chính/Tài chính (2006) Chánh văn phòng (2000-2004) Điều phối viên (2004 – 2006)
▪ Từ 2008 – 2009	Tổ chức Pathfinder Quốc tế tại Việt Nam	Phó trưởng đại diện
▪ Từ 2009 – nay	Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	Phó viện trưởng

- Từ 2014 – nay Công ty Cổ phần Dầu tư Ủy viên Hội đồng quản trị AMD Group
- Chức vụ hiện nay ở công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc (ngày bổ nhiệm 02/01/2014)
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Phó Viện trưởng – Viện Quản lý và Phát triển Châu Á
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty
 - Sở hữu cá nhân: 350.000 cổ phiếu chiếm 1,167%
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: Không

c. Ông Nguyễn Quốc Trường – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG**
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 13/07/1960
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMTND: 011787200 cấp ngày 18/8/2008 nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tiên Động, Tứ Kỳ, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Số 39/158 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh quốc tế
- Quá trình công tác:

Năm	Nơi công tác	Chức vụ
▪ Từ 03/1985	Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam	Cán bộ Vụ TCCB
▪ Từ 01/1989	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Trợ lý phòng TCCB
▪ Từ 07/1995	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Chuyên viên ban TCCB-LĐTL
▪ Từ 09/1997	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Phó phòng ban TCCB-LĐTL
▪ Từ 01/2000	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Quyền trưởng phòng TCCB- LD/TL
▪ Từ 11/2004	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Trưởng phòng ban TCCB- LD/TL
▪ Từ 06/2004	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam theo loại hình Công ty TNHH Một thành viên	Phó Giám đốc VPKV Miền Bắc

- Từ 09/2012: Tổng Công ty Hàng không Việt Nam theo loại hình Công ty TNHH Một thành viên Phó Giám đốc chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – KV Miền Bắc
- Từ 10/2013: Công ty CP XNK Hàng không Ủy viên HĐQT- Giám đốc
- Từ 2014- đến nay: Công ty cổ phần AMD Group Ủy viên HĐQT
- Chức vụ hiện nay ở công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Giám đốc Công ty CP XNK Hàng không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty
 - Sở hữu cá nhân: 1.500.000 cổ phiếu chiếm 5%
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: không

d. Ông Vũ Phạm Hải Đăng – Thành viên HĐQT độc lập

- Họ và tên: **VŨ PHẠM HẢI ĐĂNG**
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 09/05/1975
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMTND: 011917940 cấp ngày 14/7/2011 nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 47 dãy B, tập thể Đại học Ngoại Thương, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 04 6287 1982
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế học
- Quá trình công tác:

Năm	Nơi công tác	Chức vụ
▪ Từ 1997 – 1998	Bộ Tài Chính	Chuyên viên
▪ Từ 1999 – 2001	Đại sứ quán Úc tại Hà Nội	Nghiên cứu viên Kinh tế
▪ Từ 2005 – 2005	Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) tại Mỹ	Trợ lý Nghiên cứu
▪ Từ 2003 – 2008	Đại học Tổng hợp New York, Mỹ	Trợ lý nghiên cứu/ Trợ giảng/ Giảng viên
▪ Từ 2009 – 2013	Đại học Quốc gia Hà Nội	Nghiên cứu viên cao cấp/ Giảng viên/ Chủ nhiệm bộ môn Kinh tế học
▪ Từ 2013 – đến nay	Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	Phó Giám đốc Trung tâm nghiên cứu
▪ Từ 2014 – đến nay	Công ty Cổ phần Dầu tư AMD Group	Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Chức vụ hiện nay ở công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty

- Sở hữu cá nhân: 1.500 cổ phiếu chiếm 0,005%
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: không

e. Bà Đàm Thị Ngân – Thành viên HĐQT độc lập

- Họ và tên: **ĐÀM THỊ NGÂN**
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 12/12/1979
- Nơi sinh: Cao Bằng
- Số CMTND: 013402457 cấp ngày: 8/12/2011 nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Tày
- Quê quán: Xã Nam Tuấn, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng
- Địa chỉ thường trú: Phòng 404, tầng 4 nhà F, P. Xuân La, Q. Tây Hồ, Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 04 6287 1982
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quan hệ Quốc tế
- Quá trình công tác:

Năm	Nơi công tác	Chức vụ
▪ Từ 2003 – 2006	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng	Cán bộ tài chính
▪ Từ 2008 – 2010	Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD) - Dự án Phát triển Kinh doanh với Người nghèo	Phó Giám đốc
▪ Từ 2010 – 2011	Ủy ban Tài chính và Ngân sách của Quốc hội – Dự án tài trợ bởi UNDP	Cán bộ dự án
▪ Từ 2010 – đến nay	Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	Trưởng ban Phát triển Dự án
▪ Từ 2014 – đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group	Ủy Viên Hội đồng Quản trị

- Chức vụ hiện nay ở công ty: Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Phó Viện trưởng – Viện Quản lý và Phát triển Châu Á
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 3.125 cổ phiếu, chiếm 0,010%
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: không

2. *Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:* Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban

3. *Hoạt động của Hội đồng quản trị:*

Trong năm 2015, IIDQT Công ty đã tổ chức 15 cuộc họp định kỳ và không định kỳ nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Trong các cuộc họp, tất cả các thành viên tham dự đầy đủ. Một số cuộc họp căn cứ vào tính chất và nội dung từng cuộc họp có mời thành viên Ban Kiểm soát tham dự.

Các quyết định thông qua tại phiên họp đều thống nhất ý kiến 100% của các thành viên HĐQT tham dự. Các phiên họp đều được chuẩn bị chu đáo và tiến hành hết sức nghiêm túc, đảm bảo thời lượng và chất lượng, các nội dung đều mang tính thời sự và thiết thực kịp thời định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Về cơ bản IIDQT đã quyết định các chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh của Công ty phù hợp với chủ trương chính sách của Nhà nước và tình hình kinh tế – xã hội.

Định kỳ 06 tháng và hàng năm HĐQT đã có báo cáo quản trị gửi UBCK và cổ đông (báo cáo đăng tải tại Website Công ty). Qua đó nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị Công ty, đồng thời giúp cho cổ đông nắm rõ được tình hình hoạt động của Công ty.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2015):

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2015/NQ-HĐQT	20/01/2015	Thông qua các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015
2	02/2015/NQ-HĐQT	22/01/2015	Thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015
3	03/2015/NQ-HĐQT	11/02/2015	Thông qua hồ sơ niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
4	04/2015/NQ-HĐQT	25/5/2015	Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo soát xét bán niên và Báo cáo tài chính năm 2015; Công ty TNHH Dịch vụ và tư vấn thuế AAT
5	05/2015/NQ-HĐQT	01/6/2015	Góp vốn thành lập CTCP AMD SMART

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
6	06/2015/NQ-HĐQT	01/6/2015	Tăng vốn góp tại CTCP Thương mại và dịch vụ Đông Sơn lên 59,4 tỷ, chiếm 99% vốn điều lệ
7	07/2015/NQ-HĐQT	07/09/2015	Tăng vốn góp tại Công ty cổ phần AMD SMART lên 9,8 tỷ, chiếm 98% vốn điều lệ
8	01/2015/QĐ-HĐQT	06/03/2015	Ban hành Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi lần 1
9	02/2015/QĐ-HĐQT	13/03/2015	Họp IIDQT thường niên Quý I/2015
10	03/2015/QĐ-HĐQT	13/03/2015	Cho vay ngắn hạn Quý I/2015.
11	04/2015/QĐ-IIDQT	23/7/2015	Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với bà Nguyễn Thị Chi
12	05/2015/QĐ-HĐQT	23/7/2015	Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với ông Hà Thanh Hưng
13	06/2015/QĐ-HĐQT	25/8/2015	Ban hành Sổ tay Văn hóa doanh nghiệp Công ty cổ phần Dầu tư AMD Group
14	07/2015/QĐ-AMD	21/9/2015	Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với ông Hà Thanh Hưng
15	08/2015/QĐ-HĐQT	20/10/2015	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính đối với ông Đào Tiến Dương
16	09/2015/QĐ-HĐQT	10/11/2015	Thông qua hợp đồng gia công phần mềm với Công ty cổ phần AMD Smart
17	10/2015/QĐ-HĐQT	22/12/2015	Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với bà Đinh Đặng Thủy Anh

II. Ban Kiểm soát

1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc do DIIDCD bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát căn cứ chức năng nhiệm vụ kiểm tra tính

hợp lý, hợp pháp trong các báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Hiện tại, Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ
1	Nguyễn Thúy Nhung	Trưởng Ban Kiểm soát	04/02/1980	6.125	0,020%
2	Hồ Sĩ Bắc	Thành viên BKS	12/07/1973	0	0%
3	Lê Thị Hoàng Anh	Thành viên BKS	05/8/1973	800	0,003%

SƠ YẾU LÍ LỊCH

a. Bà Nguyễn Thúy Nhung – Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: **NGUYỄN THÚY NHUNG**
 - Giới tính: Nữ
 - Năm sinh: 04/02/1980
 - Nơi sinh: Hưng Yên
 - Số CMTND: 012882913 cấp ngày 18/01/2007 nơi cấp: Hà Nội
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Hưng Yên
 - Địa chỉ thường trú: Số nhà 12, ngõ 49, Hoàng Hoa Thám, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội
 - ĐT liên lạc ở cơ quan: 04.6287 2666
 - Trình độ văn hoá: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
 - Quá trình công tác:
- | Năm | Nơi công tác | Chức vụ |
|------------------------|------------------------------------|----------------------|
| ▪ Từ 08/2001 – 05/2004 | Công ty TNHH Yên Khoa | Kế toán thuế |
| ▪ Từ 10/2004 – 12/2009 | Công ty TNHH Công thương Hưng Long | Phụ trách kế toán |
| ▪ Từ 01/2010 – 10/2013 | Viện Quản lý và Phát triển Châu Á | Kế toán tổng hợp |
| ▪ Từ 10/2013 – đến nay | Viện Quản lý và Phát triển Châu Á | Kế toán trưởng |
| ▪ Từ 2014 – đến nay | Công ty Cổ phần Dầu Từ AMD Group | Trưởng Ban kiểm soát |
- Chức vụ hiện nay ở công ty: Trưởng Ban kiểm soát
 - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Kế toán trưởng - Viện Quản lý và Phát triển Châu Á
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty

- Sở hữu cá nhân: 6.125 cổ phiếu, chiếm 0,020%
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: không

b. Ông Hồ Sĩ Bắc – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: **HỒ SĨ BẮC**
- Giới tính: **Nam**
- Năm sinh: **12/07/1973**
- Nơi sinh: **Hà Nội**
- Số CMTND: **011669087 cấp ngày: 19/11/2007 nơi cấp: Hà Nội**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Quê quán: **Hà Nội**
- Địa chỉ thường trú: **14A/187/49 Hồng Mai, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**
- ĐT liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: **12/12**
- Trình độ chuyên môn: **Thạc Sĩ Quản trị Kinh doanh Quốc Tế**
- Quá trình công tác:

Năm	Nơi công tác	Chức vụ
▪ Từ 8/1994 – 6/1998	Công Ty Nước Giải Khát Quốc Tế IBC PEPSI – CN Hà	Kế toán viên cao cấp
▪ Từ 6/1998 – 6/2000	Công Ty TNHH Quốc Tế LCM	Kế toán trưởng
▪ Từ 6/2000 – 3/2004	Dự án SUMA / DANIDA Dan Mạch	Kế toán trưởng
▪ Từ 3/2004 – 10/2005	Nhà Máy Ôtô Đồng Vàng- Tổng Cty CN Ôtô Việt Nam	Phó phòng tài chính kế toán
▪ Từ 10/2005 – 4/2013	Capital Garden Hotel	Giám Đốc Tài Chính- Kế Toán Trưởng
▪ Từ 05/2013 – đến nay	Công ty CP Khách Sạn và Dịch Vụ Đại Dương	(5/2013 – 2/2014) Giám Đốc Tài Chính khối F&B (3/2014 - nay) Giám Đốc Điều Hành khối F&B

- Từ 2014- đến nay Công ty Cổ phần Đầu tư Ủy viên Ban kiểm soát
AMD Group
- Chức vụ hiện nay ở công ty: Ủy viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ Giám Đốc Điều Hành khối F&B - Công ty CP Khách Sạn
chức khác: và Dịch Vụ Đại Dương
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu chiếm 0 %
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: không

c. Bà Lê Thị Hoàng Anh – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: **LÊ THỊ HOÀNG ANH**
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 05/8/1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMTND: 011648519 cấp ngày 07/05/2003 nơi cấp: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đô Lương, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Phòng số 02, tầng 11, Nhà A, Số 6 Đội Nhân, Ba Đình, Hà Nội
- 住所 ở hiện tại: Phòng số 02, tầng 11, Nhà A, Số 6 Đội Nhân, Ba Đình, Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 04.6287.2666
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ, cử nhân kinh tế quốc tế
- Quá trình công tác:

Năm	Nơi công tác	Chức vụ
▪ Từ 1997 – 1999	Công ty Việt Anh	Thư ký Cổ vấn marketing
▪ Từ 1999 – 2000	Viện Kinh tế Chuyển đổi (ERI)	Cán bộ hành chính
▪ Từ 2000 – 11/2013	Liên hiệp các Hội UNESCO Việt Nam	Phó Tổng thư ký
		Ủy viên Thường vụ Ban Chấp hành
▪ Từ 12/2013 – đến nay	Viện Quản lý và Phát triển Châu Á (AMDI)	Cán bộ dự án
- Chức vụ hiện nay ở công ty: Không
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Cán bộ dự án tại Viện Quản lý và Phát triển Châu Á (AMDI)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 800 cổ phiếu, chiếm 0,003%
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu
- Các khoản nợ đối với công ty : không
- Lợi ích liên quan đến tổ chức đăng ký giao dịch: không

3. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Trong năm 2015, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra rà soát lại các Quy chế, quy trình nội bộ đã ban hành;
- Kiểm tra quá trình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2015 của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các Quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Tổng giám đốc lập; kiểm tra các báo cáo tài chính Quý, năm 2015 của Công ty mẹ, Công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất nhằm đánh giá tính trung thực của số liệu tài chính. Đồng thời phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát ban TGD trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.
- Phối hợp cùng các bộ phận chức năng

Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, rà soát lại các số liệu báo cáo của Ban TGD, các báo cáo tài chính, các quyết định của Ban TGD, các quyết định của HĐQT và sổ sách kế toán theo định kỳ, tình hình tài chính, đầu tư, cơ sở thực hiện các kế hoạch, mục tiêu của HĐQT đã thông qua trong cuộc họp Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015. Đồng thời BKS cũng tham dự các cuộc họp HĐQT năm 2015, trên cơ sở đó đưa ra những đánh giá, kiến nghị cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc.

3.1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

3.1.1. Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh

Ban Kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức hoạt động kinh doanh, thẩm định báo cáo kết quả hoạt động năm 2015 của Công ty và thống nhất đánh giá như sau:

Mặc dù tình hình kinh tế thế giới, khu vực còn gặp nhiều khó khăn sau khủng hoảng, tuy nhiên, với việc lãnh đạo điều hành doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty đưa ra được các giải pháp đúng đắn, kịp thời, cùng với toàn thể cán bộ, nhân viên toàn Công ty đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2015, vượt mức một số chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra từ đầu năm, hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

3.1.2. Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong năm 2015, Công ty đã tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cụ thể như sau:

- Công ty đã thực hiện các thủ tục chuyển sàn từ HNX sang sàn HOSE
- Công ty đã triển khai việc góp vốn, tăng vốn vào các công ty con của Công ty
- Công ty đã lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 là Công ty TNHH PKF Việt Nam (tên cũ là Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn thuế AAT).

3.1.3. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2015

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty cổ phần Đầu tư AMD GROUP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam, Ban Kiểm soát đã thẩm định và nhất trí báo cáo với Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Thống nhất với Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF.
- Việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính của Công ty là trung thực và tuân thủ các quy định về tài chính kế toán của Nhà nước, đáp ứng được các yêu cầu về quản lý.

Đến 31/12/2015, các chỉ tiêu cơ bản thực hiện trong năm 2015 theo báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Về kết quả kinh doanh so với kế hoạch của Công ty đặt ra cho năm tài chính 2015 được thể hiện như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.000.000.000.000	1.030.151.235.591	103,15%
Lợi nhuận sau thuế	34.000.000.000	25.020.720.996	73,59%

3.2. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Giám đốc và các Cán bộ quản lý

3.2.1. Đánh giá hoạt động của HĐQT:

- Hội đồng quản trị đã giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua;

- Các nghị quyết của HĐQT đã ban hành đúng với chức năng, quyền hạn và phù hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoàn toàn tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác;
- Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ và đột xuất theo quy định để triển khai công tác giám sát và định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Trong năm 2015, Ban Kiểm soát không nhận thấy được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;
- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành công việc.

3.2.2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác

- Ban Kiểm soát đánh giá cao những nỗ lực và cố gắng của Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, cũng như các ứng phó nhanh chóng kịp thời với những biến động của thị trường trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng;
- Trong thời gian hoạt động năm vừa qua, Ban Kiểm soát không phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác trong Công ty;
- Trong cả năm 2015, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào liên quan đến bất kỳ thành viên nào của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

3.2.3. Công tác giám sát, kiểm tra thực hiện quy định về quản trị nội bộ Công ty

- Nhờ việc thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị nội bộ Công ty, Hội đồng quản trị đã chủ động trong việc giám sát và điều hành kịp thời các chiến lược kinh doanh cũng như các quyết sách cụ thể trong hoạt động của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh, đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ, hạn chế được nhiều rủi ro và sai phạm;
- Ban Kiểm soát cũng đã đẩy mạnh việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư, quy chế trả lương và các quy chế nội bộ khác theo đúng quy định.

II. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát

1.1. Thù lao của HĐQT:

Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
Nguyễn Tiên Đức	Chủ tịch HĐQT	60.000.000
Nguyễn Quốc Trường	Thành viên HĐQT	36.000.000
Vũ Phạm Hải Đăng	Thành viên HĐQT	36.000.000
Ngô Công Chính	Thành viên HĐQT	36.000.000
Đàm Thị Ngân	Thành viên HĐQT	36.000.000

1.2. Thù lao của BKS:

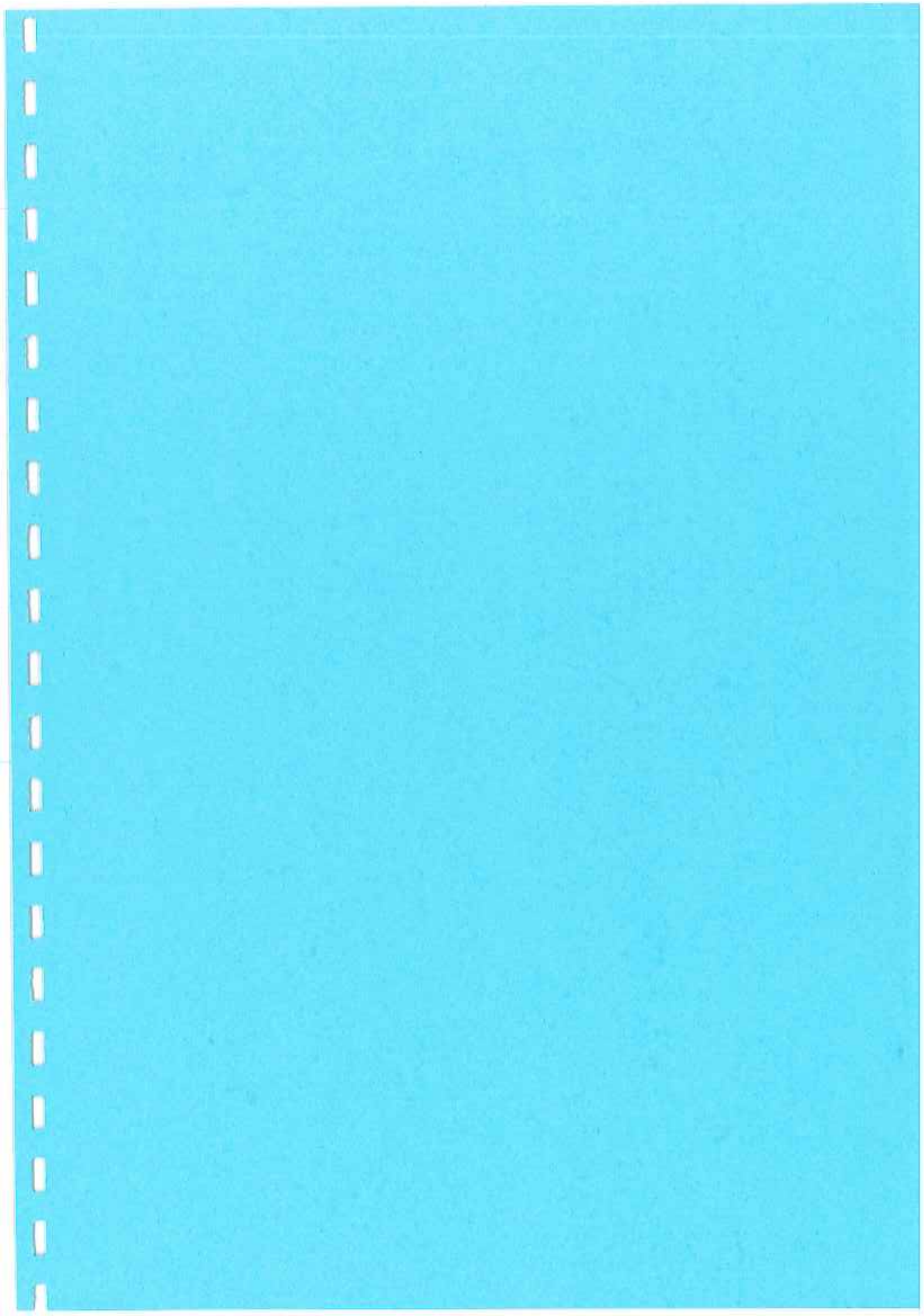
Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
Nguyễn Thúy Nhung	Trưởng Ban kiểm soát	36.000.000
Hồ Sĩ Bắc	Thành viên BKS	24.000.000
Lê Thị Hoàng Anh	Thành viên BKS	24.000.000

2. Các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan: Không có

Ngày 04 tháng 3 năm 2016
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tiên Đức



BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

kèm theo

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban giám đốc	03 - 11
Báo cáo kiểm toán	12 - 13
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	14 - 38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	14-17
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	18
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	19
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	20- 38

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), KĐT Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group là Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group (Tên cũ: Công ty Cổ phần Fikor Việt Nam) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102370070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, thay đổi lần thứ 12 vào ngày 23 tháng 04 năm 2014.

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là:

- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu
- Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu;
Chi tiết: Hoạt động phiên dịch;
- Quảng cáo;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), KĐT Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết:

Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình

Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Giáo dục nghề nghiệp
- Chi tiết: Dạy nghề;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo cao đẳng;
- Giáo dục thể thao và giải trí;
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông (trừ thiết bị thu phát sóng);
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), KĐT Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị điện khác dùng trong mạch điện)

Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)

Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh

Bán lẻ đồ dùng gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp

Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;

- Đào tạo đại học và sau đại học;

- Sản xuất máy thông dụng khác;

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

Chi tiết:

Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh

Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh

Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện

Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự

Bán buôn sách, báo tạp chí, văn phòng phẩm

Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao

Sản xuất dụng cụ thể dục thể thao

- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Chi tiết: Hoạt động của đại lý bán vé máy bay;

Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp đám cưới...);

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác

Chi tiết: Thăm dò quặng theo phương án thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất nơi thăm dò;

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;

- Khai thác quặng sắt;

- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm

Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động)

Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), KĐT Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

Cung ứng lao động tạm thời (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;
- Bán lẻ nhiên liệu động, cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng
Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo
Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hành khách đường sắt
Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng đường sắt theo hợp đồng và theo tuyến cố định;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)
Chi tiết: Dịch vụ xoa bóp (không bao gồm day, ấn huyệt và các dịch vụ gây chảy máu khác);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm và các dịch vụ liên quan;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Dịch vụ phục vụ hoạt động thể thao, vui chơi giải trí;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tẻi bện;
- Sản xuất giấy nhân, bìa nhân, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất than cốc;
- Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
*Chi tiết:
Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), KĐT Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự

Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện;

- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (trừ phân bón, thuốc trừ sâu);
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh

Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Lắp trình máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Vệ sinh chung nhà cửa

Chi tiết: Vệ sinh văn phòng, căn hộ hoặc nhà riêng, nhà máy, cửa hàng;

- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm);
- Sản xuất xe có động cơ;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên

doanh;

- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng, đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
 - Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;*
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh

Chi tiết:

Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh

Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh

Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh

Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kính thuốc)

Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh

Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh

Bán lẻ hàng hoá khác mới chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.

Chi tiết: bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống (đồ uống có cồn và đồ uống không có cồn), thuốc lá nội, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;

- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh

Chi tiết:

Bán lẻ đồ uống có cồn

Bán lẻ đồ uống không có cồn;

- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Chăn nuôi khác;
- Xay sát và sản xuất bột thô;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động chiếu phim;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), KĐT Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất giấy dếp;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp
- Chi tiết: Vận chuyển gỗ và lâm sản khác đến cửa rừng;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đèo;
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất rượu vang;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn;
- Hoạt động thể thao khác;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác;

Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1, tòa nhà Việt Úc (VAS), khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng), với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần tương đương 30.000.000 cổ phần.

Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Quyền biểu quyết
Công ty con		
Viện Quản lý và Phát triển châu Á	Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	59,48%
Công ty CP Pink House Việt Nam	Số 89, ngõ 178, Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội	95%
Công ty CP Vật tư và Thiết bị khoa học kỹ thuật ACETECH	Số 62, ngõ 322, Lê Trọng Tấn, p. Khương Mai, q. Thanh Xuân, Hà Nội	95%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn	Số 15-BT1 Khu nhà ở Cầu Diễn, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	99%
Công ty Cổ phần AMD Smart	Số 15-BT1 Khu nhà ở Cầu Diễn, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	98%
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Decohouse	Khu phố 03 Đoài, thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	40%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), KĐT Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Pháp Việt	P.206 khu nhà ĐCN Trường MN Hoa Anh Đào, KĐT Mỹ Đình 1, P.Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, tp Hà Nội	44,55%
-----------------------------------	---	--------

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm 2015 là: 24.203.549.426 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 là: 40.441.529.311 VND

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT	08/01/2014
Ông Ngô Công Chính	Ủy viên HĐQT	08/01/2014
Ông Nguyễn Quốc Trường	Ủy viên HĐQT	08/01/2014
Ông Vũ Phạm Hải Đăng	Ủy viên HĐQT	08/01/2014
Bà Đàm Thị Ngân	Ủy viên HĐQT	08/01/2014

BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thúy Nhung	Trưởng Ban kiểm soát	08/01/2014	
Ông Hồ Sĩ Bắc	Thành viên Ban kiểm soát	08/01/2014	
Bà Vũ Minh Huyền	Thành viên Ban kiểm soát	08/01/2014	10/02/2015
Bà Lê Thị Hoàng Anh	Thành viên Ban kiểm soát	10/02/2015	

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tiến Đức	Tổng Giám đốc	02/01/2014	
Ông Ngô Công Chính	Phó Tổng giám đốc	02/01/2014	
Ông Nguyễn Đăng Tâm	Phó Tổng giám đốc	02/01/2014	
Ông Đào Tiến Dương	Phó Tổng giám đốc	20/10/2015	
Ông Hà Thanh Hưng	Kế toán trưởng	23/07/2015	21/09/2015
Bà Đinh Đăng Thủy Anh	Kế toán trưởng	22/12/2015	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), KĐT Mỹ Đình 1, p. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2015 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm 2015. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2016
TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Đức

Số: 09 /2016/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group được lập ngày 26 tháng 01 năm 2016 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày từ trang 14 đến trang 38 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM



[Handwritten signature]

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.
Số chứng thực: 521 Quyền số: - 02 SCT/BS

Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0152-2015-242-1

Nguyễn Thị Huế

Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2493-2015-242-1

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG MẠI DỊCH



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đoàn Thị Bích Ngọc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		226.624.306.590	214.715.496.215
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	23.781.116.772	15.955.586.535
1. Tiền	111		23.781.116.772	15.955.586.535
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2	1.948.515.663	288.515.663
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.948.515.663	288.515.663
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		127.492.337.748	182.537.959.555
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	64.780.312.102	92.932.724.754
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.073.685.916	1.029.989.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	VI.4	24.800.000.000	81.378.004.000
6. Các khoản phải thu khác	136	VI.4	30.838.339.730	7.197.241.401
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	VI.5	70.203.116.891	15.450.013.549
1. Hàng tồn kho	141		70.203.116.891	15.450.013.549
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.199.219.516	483.420.913
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.8	145.931.529	80.074.483
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.051.884.859	403.346.430
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.403.129	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		278.799.934.648	246.153.526.617
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.767.199.236	462.307.600
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.3	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.4	1.767.199.236	462.307.600
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		4.769.825.519	4.377.536.253
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	4.769.825.519	4.377.536.253
- Nguyên giá	222		7.742.929.560	6.340.875.014
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.973.104.041)	(1.963.338.761)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	VI.6	36.229.211.827	36.215.575.463
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		36.229.211.827	36.215.575.463
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.2	84.838.448.097	39.859.440.425
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		84.838.448.097	39.859.440.425
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		151.195.249.969	165.233.666.876
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.8	20.712.754.969	18.696.737.376
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	VI.9	130.482.495.000	146.541.879.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		505.424.241.238	460.869.022.832

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		146.385.868.680	125.365.972.076
I. Nợ ngắn hạn	310		139.197.468.680	118.070.972.076
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.11	39.008.454.155	78.115.297.890
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		77.046.865.981	16.258.149.737
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.12	11.808.594.871	4.685.833.785
4. Phải trả người lao động	314		-	145.419.207
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.13	5.200.000	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HBXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.592.272.729	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.14	215.881.750	232.226.667
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.10	6.735.400.000	18.634.044.800
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.785.199.194	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.188.200.000	7.295.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
B. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.10	7.188.200.000	7.295.000.000
Đ. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	(tiếp theo)		Đơn vị tính: VND	
	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		359.038.572.558	335.503.050.756
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.15	339.038.572.558	335.503.050.756
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		262.959.345	262.959.345
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.785.199.194	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		892.599.597	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		40.441.529.311	20.700.977.870
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		16.043.114.369	3.245.061.039
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.398.414.942	17.455.516.831
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		15.656.285.111	14.539.113.541
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		505.424.241.238	460.669.022.832

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2016

Người lập



Nguyễn Thị Châm

Kế toán trưởng



Đinh Đặng Thúy Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	1.030.722.970.682	479.060.435.264
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	571.735.091	441.983.564
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.030.151.235.591	478.618.451.700
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	970.733.469.497	451.451.354.702
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		59.417.766.094	27.167.096.998
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	2.294.057.000	20.973.693.815
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	438.542.392	541.490.219
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		490.880.187	213.862.900
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	VII.8	492.339.145	1.189.316.124
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	25.943.835.825	20.474.489.142
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.816.063.404	25.935.495.328
12. Thu nhập khác	31	VII.6	740.599.735	3.179.416.285
13. Chi phí khác	32	VII.7	439.459.124	2.410.452.581
14. Lợi nhuận khác	40		301.140.611	768.963.704
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.119.204.015	26.704.459.032
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.9	10.088.483.019	8.852.467.096
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		25.020.720.996	17.851.991.937
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ	61		24.203.549.426	17.423.204.099
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát	62		817.171.570	428.787.838
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		806,78	599,04
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Người lập



Nguyễn Thị Châm

Kế toán trưởng



Đinh Đặng Thủy Anh



Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2016
Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2015

Chi tiêu	Mã số	Thuyết	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.238.264.416.499	500.056.735.900
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.182.407.821.839)	(501.621.126.826)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.806.923.589)	(6.521.589.136)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(287.404.553)	(251.581.662)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(4.698.056.665)	(6.156.310.604)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		26.609.211.498	352.214.902.747
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(45.222.348.779)	(311.077.030.615)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.451.072.572	26.643.999.583
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.280.572.727)	(3.854.781.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	600.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(147.060.000.000)	(265.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		191.178.004.000	210.221.996.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(46.665.141.678)	(282.167.600.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	31.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.907.612.870	10.115.357.577
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(920.097.535)	(299.905.016.241)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		300.000.000	270.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		61.655.296.440	117.692.281.650
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(73.660.741.240)	(96.543.670.016)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(17.122.817)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.705.444.800)	289.131.488.817
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		7.825.530.237	15.870.470.159
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.955.586.535	85.116.376
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	23.781.116.772	15.955.586.535

Người lập

Nguyễn Thị Châm

Kế toán trưởng

Đinh Đặng Thủy Anh



Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc

CÔNG TY

CỔ PHẦN

ĐẦU TƯ

AMD GROUP

Q. NAM TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Tiến Đức

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group là một Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group (Tên cũ: Công ty Cổ phần Fikor Việt Nam) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102370070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, thay đổi lần thứ 12 vào ngày 23 tháng 04 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1, tòa nhà Việt Úc (VAS), khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng) với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần tương đương 30.000.000 cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn;
- Giáo dục mầm non;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;

3. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Quyền biểu quyết
Công ty con		
Viện Quản lý và Phát triển châu Á	Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), Khu đô thị Mỹ Đình 1, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	59,48%
Công ty CP Pink House Việt Nam	Số 89, ngõ 17B, Nguyễn Lương Bằng, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội	95%
Công ty CP Vật tư và Thiết bị khoa học kỹ thuật ACETECH	Số 62, ngõ 322, Lê Trọng Tấn, p. Khương Mai, q. Thanh Xuân, Hà Nội	95%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn	Số 15-BT1 Khu nhà ở Cầu Diễn, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	99%
Công ty Cổ phần AMD Smart	Số 15-BT1 Khu nhà ở Cầu Diễn, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	98%

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Decohouse	Khu phố 03 Đồi, thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	40%
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Pháp Việt	P.206 khu nhà ĐCN Trường MN Hoa Anh Đào, KĐT Mỹ Đình 1, P.Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, tp Hà Nội	44,55%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo Tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 bao gồm các báo cáo tài chính riêng của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn" và quyền lợi của Tập đoàn trong các công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh, cụ thể là Viện Quản lý và Phát triển Châu Á, Công ty CP Pink House Việt Nam, Công ty CP Vật tư và Thiết bị Khoa học Kỹ thuật ACETECH, Công ty CP TM và Dịch vụ Đông Sơn, Công ty Cổ phần AMD Smart, Công ty Cổ phần Decohouse và Công ty Cổ phần Dịch vụ Pháp Việt.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

Ngoài ra, khi xác định nghĩa vụ thuế (kê khai, quyết toán, nộp thuế), Công ty thực hiện theo các qui định của pháp luật về thuế.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh:

Chứng khoán kinh doanh của Công ty bao gồm: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán, các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí, lệ phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0), chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Cuối niên độ kế toán, thực hiện lập sự phòng giảm giá nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

c) Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được phản ánh theo kế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

f) Lập dự phòng đầu tư tài chính

Dự phòng đầu tư tài chính là dự phòng lập theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày

07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Giá trị hàng tồn kho là hàng hóa bất động sản được xác định theo phương pháp đích danh.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-55 năm
- Máy móc, thiết bị	03-08 năm
- Phương tiện vận tải	05-06 năm
- Thiết bị văn phòng	03-05 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Việc khấu hao bất động sản đầu tư thực hiện như sau:

- Đối với bất động sản đầu tư cho thuê: Thực hiện tính khấu hao như qui định;
- Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá: Không tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group và Công ty TNHH Thiên Thuận Tường đồng ý cùng hợp tác kinh doanh để khai thác thương mại Công trình và tài sản trên đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng thuê nhà xưởng số 68/2011/HĐTNX là 7 năm 6 tháng bắt đầu từ ngày 01/04/2014. Công ty TNHH Thiên Thuận Tường đóng góp bằng quyền khai thác đất, công trình, tài sản trên đất, Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group đóng góp bằng chi phí đầu tư, cải tạo tương đương 22.000.000.000 VND (bao gồm thuế GTGT).

Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group được hưởng một khoản lợi nhuận cố định hàng năm là 5 tỷ đồng, áp dụng trong 5 năm đầu. Kể từ năm thứ sáu trở đi, khoản lợi nhuận cố định này sẽ được các bên thống nhất điều chỉnh lại cho phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh này được Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group coi là hoạt động cho thuê tài sản và khoản lợi nhuận cố định hàng năm được hạch toán vào doanh thu.

8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận khi Công ty nhận được hàng hóa, dịch vụ từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở để xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành trên cơ sở có quyết toán khối lượng giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công.

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng,

công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn
Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.113.676.591	4.971.240.513
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.667.440.181	10.984.346.222
Cộng	23.781.116.772	15.955.586.735

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

b1) Ngân hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1) Ngân hạn	1.948.515.663	1.948.515.663	288.515.663	288.515.663
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.948.515.663	1.948.515.663	288.515.663	288.515.663

b2) Dài hạn

c) Đầu tư góp vốn

vào đơn vị khác

- Đầu tư vào Công ty con

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

+ Công ty Cổ phần Decnhouse

+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Pháp Việt

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào Công ty con				
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
+ Công ty Cổ phần Decnhouse	84.838.448.097	-	39.659.440.425	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Pháp Việt	39.857.388.935	-	39.859.440.425	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Pháp Việt	44.981.061.162	-	-	-

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên doanh liên kết:

Viện Quản lý và Phát triển Châu Á - AMDI: là một tổ chức khoa học công nghệ thực hiện hoạt động tư vấn, nghiên cứu và đào tạo và quản lý và phát triển nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tạo ra những thay đổi tích cực, bền vững cho tổ chức. AMDI được Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam cấp Giấy phép đăng ký số A-573 năm 2006 và là một thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA).

Công ty cổ phần Vật tư và thiết bị khoa học ACETECH: số vốn góp là 8.500.000.000 đồng (tương đương 95% quyền biểu quyết), là đơn vị trực thuộc AMD GROUP. ACETECH lấy việc cung cấp thiết bị khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ làm nền tảng. Các hoạt động kinh doanh của công ty nằm trong lĩnh vực cung cấp thiết bị Khoa học Công nghệ, thiết bị Y tế, thiết bị Giáo dục, thiết bị Dạy nghề và dịch vụ kỹ thuật: thiết kế, thi công lắp đặt hệ thống phòng thí nghiệm công nghệ cao. ACETECH có ưu thế là tiếp cận nhanh với những công nghệ hiện đại, tiên tiến cũng như phương pháp quản lý khoa học. ACETECH đang từng bước khẳng định mình trong thị trường cũng như góp phần vào sự phát triển khoa học kỹ thuật của đất nước.

Công ty cổ phần Pink House Việt Nam: Số vốn góp là 14.250.000.000 đồng (tương đương 85% quyền biểu quyết). Công ty Pink House Việt Nam đang quản lý hệ thống trường mầm non mang thương hiệu Pink House Plus. Trường Pink House là hệ thống giáo dục mầm non được trang bị hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, quy trình đào tạo chuyên nghiệp. Hiện tại hệ thống trường Pink House có khả năng tiếp nhận và chăm sóc cho khoảng 500 cháu/năm và sẽ tiếp tục được mở rộng thêm các cơ sở trong thời gian sắp tới để có thể tiếp nhận hàng ngàn học sinh. Tuy nhiên, do vướng và các thủ tục pháp lý liên quan đến việc sở hữu nền trong năm 2015 chưa hợp nhất được doanh thu của trường Pink House vào Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn: Số vốn góp là 59.400.000.000 đồng (tương đương 89% quyền biểu quyết), được thành lập ngày 03/11/2014 với vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng, tổng vốn lên 60 tỷ đồng theo đăng ký doanh nghiệp thay đổi ngày 12/06/2015, trong đó AMD GROUP sở hữu 89% vốn cổ phần. CTCP Dịch vụ và Thương mại Đông Sơn có ngành nghề chính là kinh doanh xăng dầu và vật liệu xây dựng. Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để triển khai thực hiện Dự án cửa hàng kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng và trạm dừng đỗ xe tại Bắc Ninh. Dự án này được kỳ vọng sẽ mang lại nguồn lợi nhuận không nhỏ cho Công ty Đông Sơn nói riêng và AMD GROUP nói chung đồng thời góp phần vào việc phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh cũng như tạo thêm nhiều việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương.

Công ty Cổ phần DECOHOUSE: Số vốn góp là 40.000.000.000 đồng (tương đương 40% quyền biểu quyết), Công ty đặt trụ sở tại thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, công ty DECOHOUSE hiện đang đầu tư phát triển một dự án xây dựng Khu nhà nghỉ sinh thái, nhà năng sinh thái và kinh doanh thương mại tại xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Dự án là sự kết hợp giữa các hoạt động thương mại, kết hợp với các hoạt động nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, là một bước chuyển đổi trong việc phát triển, hình thành một tổ hợp thương mại dịch vụ khuyến khích các sản phẩm nông sản đến người tiêu dùng.

Công ty Cổ phần AMDSMART: Số vốn góp là 9.800.000.000 đồng (tương đương 98% quyền biểu quyết) được thành lập ngày 03/08/2015 với vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng. Công ty CP AMDSMART có ngành nghề chính là thiết kế, sản xuất và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phần mềm. Hiện tại công ty đã triển khai thành công một số giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt cho lĩnh vực giáo dục, y tế, siêu thị, các cửa hàng thời trang...hay các giải pháp chăm sóc khách hàng qua thẻ UHF, giải pháp RFID...với đối tác hiện tại như: Toyota, Mercedes, Mazda, Audi, Nissan...các ngân hàng BIDV, Teccombank, SHB...

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Pháp Việt: Số vốn góp là 44.550.000.000 đồng (tương đương 44,55% quyền biểu quyết). Công ty đặt trụ sở tại P.205 Khu nhà ĐCN Trường MN Hoa Anh Đào, KĐT Mỹ Đình 1, P.Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, tp Hà Nội. Công ty đang sở hữu dự án Trung tâm Thổ thảo Pháp Việt, diện tích 2,2 ha tại Xuân Phương, Văn Cảnh, Hà Nội. Dự án sẽ triển khai vào năm 2016.

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Phải thu của khách hàng

a) Phải thu khách hàng ngắn hạn

- Công ty Cổ phần Liên doanh Đầu tư Quốc tế

- Công ty TNHH MTV Cổ pha Thép Thái Hưng

- Công ty TNHH Thuận Thuận Tường

- Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng

- Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC

- Công ty TNHH BT và PT Địa ốc Hai

- Công ty Cổ phần Thiết bị Năm Sao Việt

- Các đối tượng khác

b) Phải thu khách hàng dài hạn (CH tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng	84.780.812.102	92.932.724.754
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn		11.077.110.000
- Công ty Cổ phần Liên doanh Đầu tư Quốc tế	5.792.147.890	-
- Công ty TNHH MTV Cổ pha Thép Thái Hưng	7.501.461.335	21.895.573.275
- Công ty TNHH Thuận Thuận Tường	2.089.480.803	48.827.550.791
- Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	-	5.141.779.497
- Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	18.420.140.000	-
- Công ty TNHH BT và PT Địa ốc Hai	10.649.500.000	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị Năm Sao Việt	21.977.102.024	5.990.711.251
- Các đối tượng khác	-	-
b) Phải thu khách hàng dài hạn (CH tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)		
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		

Trả trước cho người bán	7,073.665.916	1.029.999.400
- Trường mầm non Ngôi nhà Hồng (Hoàng Cầu) (*)	209.000.000	
- Trường mầm non Ngôi nhà Hồng và phần liệu 2 (Đặng Tiến Đống) (**)	455.141.578	
- Các đối tượng khác	6.409.544.238	1.029.999.400

(*) Theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2015/NNH-CN ngày 04/09/2015 giữa Công ty Cổ phần Pink House Việt Nam (Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group) và Trường Mầm non Ngôi nhà Hồng với giá trị chuyển nhượng là 209.000.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT). Hai bên đã thực hiện mọi thủ tục để hoàn thiện việc chuyển quyền sở hữu. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có các quy định về việc thay đổi chủ sở hữu trên quyết định thành lập. Vì vậy, Công ty CP Pink House Việt Nam tạm thời treo khoản tiền chuyển nhượng này trên khoản trả trước cho người bán trong quá trình hoàn thiện hồ sơ pháp lý.

(**) Theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2015/PPKH-CN ngày 04/09/2015 giữa Công ty Cổ phần Pink House Việt Nam (Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group) và Trường Mầm non Ngôi nhà Hồng và phần liệu 2 với giá trị chuyển nhượng là 455.141.578 đồng (đã bao gồm thuế GTGT). Hai bên đã thực hiện mọi thủ tục để hoàn thiện việc chuyển quyền sở hữu. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có các quy định về việc thay đổi chủ sở hữu trên quyết định thành lập. Vì vậy, Công ty CP Pink House Việt Nam tạm thời treo khoản tiền chuyển nhượng này trên khoản trả trước cho người bán trong quá trình hoàn thiện hồ sơ pháp lý.

4. PHẢI THU KHÁC VỀ CHO VAY VÀ PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Các khoản phải thu khác	30.638.339.730		7.197.241.401	
- Phải thu khác	14.606.992.353		406.751.621	
+ Nguyễn Văn Tấn	14.200.000.000			
+ Bùi Thị Tuyết	406.992.353		406.751.621	
- Tạm ứng	16.102.198.677		6.611.892.280	
+ Nguyễn Thị Hòa	4.500.000.000			
+ Nguyễn Duy Bình	4.800.000.000			
+ Nguyễn Hữu Hoàng	2.800.000.000		3.859.492.000	
+ Nguyễn Đăng Tâm	3.165.000.000			
+ Nguyễn Đăng Ngọc Toàn			700.000.000	
+ Các đối tượng khác	637.198.677		2.072.400.260	
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	129.148.700		118.597.500	
Phải thu về cho vay	24.800.000.000		81.373.004.000	
+ Nguyễn Thị Quyên	7.300.000.000			
+ Bùi Thị Tuyết	12.500.000.000			
+ Nguyễn Minh Phương			3.500.000.000	
+ Nguyễn Duy Bình	5.000.000.000			
+ Nguyễn Hồng Minh			20.478.004.000	
+ Nguyễn Thị Thanh			8.500.000.000	
+ Nguyễn Đức Giảng			28.800.000.000	
+ Nguyễn Thị Ngọc Diệp			12.500.000.000	
+ Nguyễn Thị Hòa			9.800.000.000	
b) Dài hạn	1.767.199.236		462.307.600	
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.767.199.236		462.307.600	

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	101.315.437	706.701.894
Công cụ, dụng cụ		219.767.323
Chi phí SXKD dở dang	5.611.920.042	12.753.116.604
Hàng hóa	64.589.881.412	1.770.408.526
Cộng	70.203.116.891	15.450.013.549

6. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
b) Xây dựng cơ bản dở dang	36.229.211.827	36.229.211.827	36.215.575.463	36.215.575.463
- Dự án xây dựng Trung tâm đào tạo Xuân Phương	33.503.762.442	33.303.762.442	33.303.762.442	33.303.762.442
+ Dự án Đại học Logistics Bắc Ninh	2.911.813.021	2.911.813.021	2.911.813.021	2.911.813.021
+ Chi phí dự án của Công ty CP TM và DV Đông Sơn	73.636.364	73.636.364		

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Phụ trợ liên vận tải	Thiết bị dung cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm			5.911.147.742	232.363.836	197.383.836	6.340.875.014
Tăng trong năm	-	-	848.709.091	553.345.455	-	1.402.054.546
- Mua trong năm			848.709.091	553.345.455		1.402.054.546
Giảm trong năm						
Số dư cuối năm			6.759.856.833	785.709.291	197.383.836	7.742.929.960
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm			1.792.754.973	102.974.888	67.009.800	1.962.739.661
Tăng trong năm	-	-	760.737.191	193.634.145	55.393.944	1.009.765.250
- Số khấu hao trong năm			760.737.191	193.634.145	55.393.944	1.009.765.280
Giảm trong năm						
Số dư cuối năm			2.553.492.164	296.609.033	122.403.744	2.972.504.941
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm			4.118.392.769	129.388.948	129.754.836	4.377.536.553
2. Tại ngày cuối năm			4.206.364.669	489.099.958	74.980.092	4.769.825.519

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC	Số cuối năm	Số đầu năm
	a) Ngắn hạn	145.931.625
- Chi phí mua bảo hiểm		19.050.184
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	145.931.528	61.014.299
b) Dài hạn	20.712.754.989	18.696.787.876
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng		557.642.476
- Phí lập đất và đất biên quảng cáo tại sân golf Sầm Sơn 4 năm từ 2016 và 2019	4.545.454.545	
- Chi phí đầu tư cải tạo công trình EBEST(*)	15.333.333.337	18.000.000.002
- Chi phí trả trước dài hạn khác	833.957.087	129.145.298
Cộng	20.858.686.497	18.776.862.359

(*) Chi phí đầu tư, cải tạo khu đất, công trình trên đất của trung tâm thương mại EbectMall theo hợp đồng số 0805/2014/H/TKD-AMD ngày 01/04/2014. Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group và Công ty TNHH Thiên Thuận Tường đồng ý cùng hợp tác kinh doanh để khai thác thương mại Công trình và tài sản trên đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng thuê nhà xưởng số 68/2011/HĐTNX là 7 năm 6 tháng bắt đầu từ ngày 01/04/2014. Công ty TNHH Thiên Thuận Tường đồng góp bằng quyền khai thác đất, công trình, tài sản trên đất, Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group đồng góp bằng chi phí đầu tư, cải tạo tương đương 22.000.000.000 VND (bao gồm thuế GTGT).

Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group được hưởng một khoản lợi nhuận cố định hàng năm là 5 tỷ đồng, áp dụng trong 5 năm đầu. Kể từ năm thứ sáu trở đi, khoản lợi nhuận cố định này sẽ được các bên thống nhất điều chỉnh lại cho phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế.

Tổng chi phí đầu tư là 20 tỷ đồng, AMD phân bổ đều trong thời gian đầu tư (7 năm 6 tháng kể từ ngày 01/04/2014). Tổng chi phí đã phân bổ trong năm: 4.666.006.863 đồng.

9. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	Số cuối năm	Số đầu năm
	Lợi thế thương mại đang trong năm	145.541.879.000
Giá trị lợi thế thương mại giảm do chuyển nhượng một phần vốn góp		27.000.000.000
Giá trị lợi thế thương mại phân bổ trong năm	16.059.384.000	14.051.001.000
Giá trị còn lại của lợi thế thương mại tại ngày cuối kỳ kế toán	130.482.495.000	146.541.879.000

10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	6.735.400.000	6.735.400.000	1.973.596.440	1.973.596.440	18.834.044.800	16.634.044.800
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Decohouse (*)	5.000.000.000	5.000.000.000			17.500.000.000	17.500.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.195.400.000	1.195.400.000	1.973.596.440	1.973.596.440	594.044.800	594.044.500
Nợ dài hạn đến hạn trả	540.000.000	540.000.000			540.000.000	540.000.000
b) Vay dài hạn	7.188.200.000	7.188.200.000	500.000.000	500.000.000	7.295.000.000	7.295.000.000
Vay Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội(**)	755.000.000	755.000.000			1.295.000.000	1.295.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng- CN Hà Nội (***)	433.200.000	433.200.000	500.000.000	500.000.000		
Vay các đối tượng khác (****)	6.000.000.000	6.000.000.000			5.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	13.923.600.000	13.923.600.000	2.473.596.440	2.473.596.440	25.929.044.800	25.929.044.800

(*) Là khoản vay của Công ty CP Decohouse, theo hợp đồng số 01/2015/HĐVM - DECOHOUSE, ngày 01 tháng 10 năm 2015.

Mục đích: Vay vốn kinh doanh. Lãi suất 0%. Thời hạn vay 04 tháng.

(**) Là khoản vay Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội để đầu tư 01 xe Mercedes Benz S400L, 05 chỗ, mới 100% đời 2014, sản xuất tại Việt Nam. Thời hạn vay: 48 tháng, lãi suất: 10,5%/năm (được áp dụng từ ngày 03/07/2014) và sau đó được điều chỉnh 06 tháng /lần theo thông báo lãi suất của BIDV tại thời điểm điều chỉnh. Hình thức đảm bảo tiền vay: đảm bảo bằng tài sản được hình thành bằng vốn vay. Kế hoạch trả nợ gốc: 1 tháng/lần, mỗi kỳ: 45.000.000 đồng.

(***) Là khoản vay ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng- CN Hà Nội để đầu tư 01 xe Chevrolet Cruze LTZ, mới 100%. Thời hạn vay: 80 tháng, lãi suất 6%/năm (cố định trong 6 tháng đầu tiên) và sau đó điều chỉnh kỳ đầu tiên vào ngày 07/10/2015, điều chỉnh kỳ tiếp theo vào ngày 01/1/2016, sau đó điều chỉnh định kỳ 3 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh+ biến độ 5,0 %/năm. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản được hình thành bằng vốn vay. Kế hoạch trả nợ gốc: 1 tháng/1 lần, mỗi kỳ: 8.350.000 đồng, kỳ cuối cùng trả 7.350.000 đồng.

(****) Đây là khoản vay cá nhân của các thành viên góp vốn vào Viện Quản lý và Phát triển Châu Á để đầu tư xây dựng Trung tâm đào tạo Nguồn nhân lực quản lý tại xã Xuân Phương - huyện Từ Liêm - Hà Nội. Lãi suất: 0%, thời hạn: 5 năm.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	99.008.454.155	99.008.454.155	78.115.297.880	78.115.297.880
- Công ty CP tập đoàn FLC	8.623.109.173	8.623.109.173		
- Công ty TNHH Thiên Thuận Tường			17.600.600.000	17.600.600.000
- Công ty Cổ phần B.C.H	25.123.976.900	25.123.976.900	24.868.953.302	24.868.953.302
- Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam			23.902.113.606	23.902.113.606
- Các đối tượng khác	5.261.368.082	5.261.368.082	11.743.630.972	11.743.630.972
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				
e) Người mua trả tiền trước	77.046.865.981	77.046.865.981	18.258.148.737	18.258.148.737
- Công ty Cổ phần Xây dựng Feros	42.535.530.000	42.535.530.000		
- Các đối tượng khác	34.511.335.981	34.511.335.981	18.258.148.737	18.258.148.737

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)				
- Thuế GTGT	243.742.476	94.835.461.946	92.910.446.400	2.018.759.022
- Thuế TNDN	3.707.520.363	10.221.364.601	4.802.624.809	9.126.260.355
- Thuế TNCN	734.570.946	1.192.946.207	1.203.940.859	663.576.494
Cộng	4.685.833.785	106.099.772.754	98.917.011.668	11.808.594.671

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Các khoản trích trước khác	5.200.000	
b) Dài hạn		
Cộng	5.200.000	

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC	Số cuối năm	Số đầu năm
- Bảo hiểm xã hội	126.661.750	
- Phải trả, phải nộp khác	99.000.000	232.226.667
Cộng	215.661.750	232.226.667

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU	Đơn vị tính: VND					
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000				3.245.051.039	33.245.051.039
Tăng vốn trong năm ¹	270.000.000.000					270.000.000.000
Lãi trong năm trước					17.423.204.099	17.423.204.099
Tăng khác		262.959.345			175.272.307	436.231.652
Giảm vốn trong năm trước						
Lỗ trong năm trước					140.559.575	140.559.575
Giảm khác						
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	262.959.345			20.700.977.870	320.963.937.215
Tăng vốn trong năm					24.203.549.428	24.203.549.428
Lãi trong năm			1.765.199.194	892.599.597		2.657.798.791
Tăng khác						
Giảm vốn trong năm					4.462.997.985	4.462.997.985
Lỗ trong năm						
Giảm khác						
Số dư cuối năm	300.000.000.000	262.959.345	1.765.199.194	892.599.597	40.441.529.311	343.382.287.447

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	300.000.000.000	300.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	300.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		270.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

d) Cổ tức

	Số cuối năm	Số đầu năm
o) Các quỹ của doanh nghiệp	1.785.199.194	-
- Quỹ đầu tư phát triển	892.599.597	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.785.199.194	-

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	611.979.942.051	450.549.127.705
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.901.418.849	28.512.307.479
- Doanh thu hàng hóa bất động sản	372.841.606.967	-
Cộng	1.030.722.970.882	479.060.435.264
2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
Hàng bán bị trả lại	571.735.091	441.983.564
Cộng	571.735.091	441.983.564
3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
Giá vốn của bán hàng	478.247.244.026	431.725.410.479
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	30.406.982.053	19.725.944.223
Giá vốn hàng hóa bất động sản	461.999.782.616	-
Cộng	970.733.489.497	451.451.354.702
4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi, cho vay	2.136.359.162	10.335.492.489
Lãi đầu tư cổ phiếu trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		10.600.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	144.731.815	3.144.715
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.986.203	35.056.611
Cộng	2.294.057.000	20.973.693.815
5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Lỗ tiền vay	295.184.382	215.602.960
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	138.358.010	327.627.239
Cộng	433.542.392	543.230.199
6. THU NHẬP KHÁC		
- Các khoản khác	740.599.735	3.179.416.285
Cộng	740.599.735	3.179.416.285
7. CHI PHÍ KHÁC		
- Các khoản bị phạt	93.146.056	-
- Các khoản khác	376.313.068	2.410.452.651
Cộng	469.459.124	2.410.452.651
8. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
Chi phí nhân viên	4.493.900.037	5.455.361.656
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	1.050.645.799	1.486.705.319
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	112.704.126	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.551.376.748	658.554.483
Thuế, phí, lệ phí	294.993.005	-
Lợi thế thương mại phân bổ	16.059.384.000	14.051.961.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.034.442.307	757.992.270
Chi phí bằng tiền khác	838.776.148	1.223.750.536
Cộng	26.436.224.970	21.663.805.266
9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.103.827.319	1.406.765.319
Chi phí nhân công	16.210.711.645	3.485.381.656
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.947.641.159	658.554.483
Phân bổ lợi thế thương mại	16.059.384.000	14.051.961.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.639.576.447	757.992.270
Chi phí bằng tiền khác	1.622.161.572	1.223.750.536
Cộng	40.683.304.142	21.663.805.266
10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.118.204.015	26.704.459.032
Thuế TNDN hiện hành	10.098.483.019	8.852.467.093
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.020.720.996	17.851.991.937

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Đơn vị tính : VND

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN
3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Năm nay	BẤT ĐỘNG SẢN	THÉP	KỸ THUẬT	HÀNG DÙNG SIÊU THỊ	DỊCH VỤ	CHO THUẾ TÀI SẢN	ĐIỆN TỬ ĐIỆN LẠNH	TỔNG CỘNG
CHỈ TIÊU								
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	439.042.739.492	415.729.676.110	47.444.208.249	71.696.358.648	54.269.987.983	2.550.000.000		1.030.722.970.682
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận						2.550.000.000		
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	439.042.739.492	415.729.676.110	47.444.208.249	71.696.358.648	54.269.987.983	2.550.000.000		1.030.722.970.682
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	10.234.952.136	207.664.838	6.426.998.798	3.006.958.734	37.968.991.588	2.550.000.000		59.417.766.094
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận								26.436.224.970
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								32.981.541.124
Doanh thu hoạt động tài chính								2.294.057.000
Chi phí tài chính								436.542.392
Thu nhập khác								740.593.735
Chi phí khác								439.459.124
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								10.098.483.919
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại								25.020.720.896
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp								1.280.572.727
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác								5.199.149.695
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn								
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)								

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP
Tầng 1, tòa nhà Việt Úc VAS, KĐT Mỹ Đình 1, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

Đơn vị tính: VND

Năm trước	CHỈ TIÊU	BẤT ĐỘNG SẢN	THÉP	KỸ THUẬT	HÀNG DÙNG SIÊU THỊ	DỊCH VỤ	CHO THUẾ TÀI SẢN	ĐIỆN TỬ ĐIỆN LẠNH	TỔNG CỘNG
	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV ra bên ngoài		195.667.900.443	19.555.055.442	111.800.030.231	27.262.907.479		128.995.158.105	477.968.451.700
	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV giữa các bộ phận								
	Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		195.667.900.443	19.555.055.442	111.888.030.231	27.262.907.479		128.995.158.105	477.368.451.700
	Kết quả kinh doanh theo bộ phận		213.409.184	2.677.753.832	9.367.555.991	8.208.332.596		12.116.712.061	26.683.763.664
	Chi phí không phân bổ theo bộ phận								21.663.805.266
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								4.919.958.396
	Doanh thu hoạt động tài chính								20.973.683.815
	Chi phí tài chính								541.490.219
	Thu nhập khác								9.179.416.285
	Chi phí khác								2.410.452.581
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								8.852.467.085
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại								
	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp								17.268.658.603
	Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác								4.031.145.454
	Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn								699.480.154
	Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)								

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP
Tầng 1, tòa nhà Việt Úc VAS, KĐT Mỹ Đình I, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CHỈ TIÊU	BẤT ĐỘNG SẢN	THÉP	KỸ THUẬT	HÀNG DÙNG SIÊU THỊ	DỊCH VỤ	CHO THUÊ TÀI SẢN	ĐIỆN TỬ ĐIỆN LẠNH	TỔNG CỘNG
Số cuối kỳ								
Tài sản trực tiếp của bộ phận	64.599.881.412	35.689.231.000	5.611.920.042	25.351.232.893	5.699.789.562	5.225.000.000		142.057.114.909
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận								363.967.126.329
Tổng tài sản								505.424.241.238
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	60.308.216.762	25.326.969.632	3.568.000.000	25.196.944.752	1.550.000.000	45.000.000		116.055.120.136
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận								90.330.548.544
Tổng nợ phải trả								146.385.668.680
Số đầu năm								
Tài sản trực tiếp của bộ phận			8.069.475.558	24.626.718.213	10.948.386.120		16.677.665.940	60.322.445.831
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận								400.546.577.001
Tổng tài sản								460.869.022.832
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận		48.788.731.008	9.312.114.580	7.123.723.002	17.528.535.047		17.600.600.000	94.359.703.617
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận								31.007.268.459
Tổng nợ phải trả								125.365.972.076

Đơn vị tính: VND

3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý
Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2000/TT-BTC ngày 20/03/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

4.1 Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

4.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Ảnh hưởng của

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	20.667.440.181	10.984.348.222
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	85.788.983.760	76.075.015.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.618.651.892	100.129.966.155

4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 đến 5 năm (VND)	Từ 5 năm trở lên	Cộng
Số cuối năm				
Các khoản vay	13.923.600.000	-	-	13.923.600.000
Phải trả người bán	39.008.454.155	-	-	39.008.454.155
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Phải trả khác	215.681.750	-	-	215.681.750
Số đầu năm				
Các khoản vay	25.929.044.800	-	-	25.929.044.800
Phải trả người bán	76.115.297.880	-	-	76.115.297.880
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Phải trả khác	232.228.867	-	-	232.228.867

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP
Tầng 1, tòa nhà Việt Úc VAS, KĐT Mỹ Đình I, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

4.5 Giá trị hợp lý

- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cũng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	23.781.116.772	23.781.116.772	15.955.586.535	15.955.586.535
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.618.651.832	(*)	100.129.966.155	(*)
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	86.786.963.760	(*)	40.147.956.088	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	84.838.448.097	(*)	39.859.440.425	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Vay ngắn hạn	(6.735.400.000)	(6.735.400.000)	(18.634.044.800)	(18.634.044.800)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(39.008.454.155)	(39.008.454.155)	(78.115.297.880)	(78.115.297.880)
- Vay dài hạn	(7.188.200.000)	(7.188.200.000)	(7.295.000.000)	(7.295.000.000)
	238.093.126.306	(*)	92.048.606.523	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

- Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

5. Thông tin về các bên liên quan

a) Số dư về các khoản vay và nợ thuế tài chính và phải trả người bán với các bên liên quan tại 31/12/2015:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư tại 31/12/2015
- Công ty Cổ phần Decohouse	Công ty liên kết	Vay để hoạt động kinh doanh	5.000.000.000
- Viện quản lý và phát triển châu Á	Công ty con	Thuế văn phòng của Viện	45.000.000
- Nguyễn Thị Mai	Em gái ông Nguyễn Tiến Đức, chủ tịch HĐQT	Ứng trước tiền mua hai Trường mầm non Ngôi nhà Hồng (Hoàng Cầu) và Trường mầm non Ngôi nhà Hồng và phần hiệu 2 (Đông Tiến Đông)	535.141.678

b) Lương và thù lao chỉ trả trong năm cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc:

Họ Tên	Chức vụ	Năm nay VND
Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	197.689.800
Ngô Công Chính	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc	15.000.000
Nguyễn Quốc Trường	Thành viên HĐQT	15.000.000
Vũ Phạm Hải Đăng	Thành viên HĐQT	15.000.000
Đàm Thị Ngân	Thành viên HĐQT	43.431.790
Nguyễn Thúy Nhung	Trưởng Ban kiểm soát	17.000.000
Nguyễn Thị Minh Huyền	TV Ban kiểm soát	5.000.000
Lê Thị Hoàng Anh	TV Ban kiểm soát	10.000.000
Hồ Sĩ Bắc	TV Ban kiểm soát	12.000.000

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư AMD Group đã được Công ty TNHH Dịch vụ Kế toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT kiểm toán và phân loại lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Các chỉ tiêu thay đổi do phân loại lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính như sau:

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số theo thống tư 200/2014/TT-BTC	Số đầu năm trên báo cáo tài chính cho năm 2015	Số cuối năm trên báo cáo tài chính năm 2014
A. Tài sản ngắn hạn			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	130	283.515.663	55.886.519.663
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	132.537.958.555	120.229.465.775
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	425.420.918	7.213.910.693
B. Tài sản dài hạn			
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	462.307.800	-
II. Tài sản cố định	220	4.377.536.253	40.593.111.710
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	35.215.575.463	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	165.238.668.876	185.700.574.478

2. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

		Số năm trước trên báo cáo tài chính cho năm 2015	Số năm nay trên báo cáo tài chính cho năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	01	479.090.435.284	477.610.435.284
2. Giá vốn hàng bán	11	451.451.354.702	450.784.588.038
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	25.935.485.326	25.952.161.994
4. Thu nhập khác	31	3.179.416.285	4.429.416.285
5. Chi phí khác	32	2.410.452.581	3.077.119.247
6. Lợi nhuận khác	40	769.968.704	1.352.237.038

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra để nội phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Chăm

Kế toán trưởng

Đinh Đặng Thủy Anh



Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Đức

